

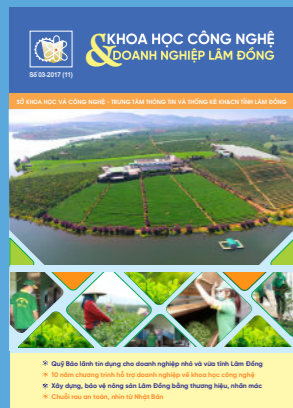
Số 03-2017 (11)

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ & DOANH NGHIỆP LÂM ĐỒNG

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ - TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ THỐNG KÊ KH&CN TỈNH LÂM ĐỒNG



- ✧ **Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Lâm Đồng**
- ✧ **10 năm chương trình hỗ trợ doanh nghiệp về khoa học và công nghệ**
- ✧ **Xây dựng, bảo vệ nông sản Lâm Đồng bằng thương hiệu, nhãn mác**
- ✧ **Chuỗi rau an toàn, nhìn từ Nhật Bản**



KHOA HỌC CÔNG NGHỆ & DOANH NGHIỆP LÂM ĐỒNG

Số 03-2017

TRONG SỐ NÀY

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ LÂM ĐỒNG - TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ THỐNG KÊ KH&CN

Địa chỉ: Số 35 Trần Hưng Đạo - Đà Lạt - Điện thoại: 0263.3545479 - 0263.3833163 - Email: trungtamthongtin@lamdongdost.gov.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Ngô Đình Văn Châu

Biên tập

Nguyễn Minh Tâm

Ngô Huy Đông

Huỳnh Thanh Mai

Nguyễn Thanh Nhân

Phạm Thị Nhâm

Trình bày:

Lê Cao Nguyên

Ảnh bìa:

Sản xuất chè chất lượng cao
tại Công ty Cổ phần Long Đình

CHÍNH SÁCH - ĐỊNH HƯỚNG

- Đặng Đức Hiệp** - Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Lâm Đồng
- Đặng Hữu Huy, Nguyễn Bá Phong** - 10 năm chương trình hỗ trợ doanh nghiệp về khoa học và công nghệ
- Diễm Thương** - Xây dựng, bảo vệ nông sản Lâm Đồng bằng thương hiệu, nhãn mác
- Thành lập tổ hỗ trợ khởi nghiệp tỉnh Lâm Đồng
- Hồ Quang Thanh** - Đánh giá sự hài lòng của cộng đồng doanh nghiệp về chất lượng dịch vụ công điện tử tỉnh Lâm Đồng
- Đối thoại với doanh nghiệp về chính sách mới trong lĩnh vực thuế, hải quan

HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP

- Chuỗi rau an toàn, nhìn từ Nhật Bản
- Nguyễn Tú Uyên** - Tập huấn kỹ năng mềm cho doanh nghiệp
- Nguyễn Tú Uyên** - Tập huấn về công cụ và kỹ năng cải tiến năng suất và chất lượng cho các doanh nghiệp
- Lê Thị Thanh Nga** - Công tác kiểm dịch thực vật nhập và xuất khẩu tại Lâm Đồng 8 tháng đầu năm 2017
- Lắp đầy 100% khu công nghiệp vào năm 2020
- Tin cảnh báo từ các nước thành viên

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI

- Văn Việt** - Hợp tác xã từ khi có luật mới
- Vũ Văn** - Đa canh rau VietGAP ở Tây Hồ
- Trần Phương Uyên** - Liên kết sản xuất chè chất lượng cao
- Bùi Quốc Hoàn** - Mắc ca - Nữ hoàng của các loại hạt khô
- Nguyễn Thị Bích Trâm** - Mô hình nuôi trồng táo xoắn kết hợp với du lịch làng nghề

DOANH NGHIỆP CẦN BIẾT

- Tiêu chuẩn quy trình giám sát nguồn gốc - Bộ nguyên tắc UTZ
- Trần Công Đăng** - Quy định của pháp luật về kinh doanh thương mại điện tử
- Thông tin các doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp công nghệ cao được Bộ Nông nghiệp & PTNT công nhận trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

CHÍNH SÁCH ĐỊNH HƯỚNG



QUỸ BẢO LÃNH TÍN DỤNG CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TỈNH LÂM ĐỒNG

ĐẶNG ĐỨC HIỆP

Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng

Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Lâm Đồng (Quỹ Bảo lãnh tín dụng) - Lam Dong Credit Guarantee Fund for Small and Medium Enterprises (DCGF) được thành lập theo Quyết định số 2153/QĐ-UBND ngày 06/10/2015 của UBND tỉnh với số vốn điều lệ ban đầu do ngân sách cấp là 58 tỷ đồng (trong đó ngân sách tỉnh là 30 tỷ đồng; ngân sách Trung ương hỗ trợ 28 tỷ đồng).

Quỹ Bảo lãnh tín dụng trực thuộc UBND tỉnh Lâm Đồng, là tổ chức tài chính, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, có tư cách pháp nhân, vốn điều lệ, bảng cân đối kế toán, con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các Ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp đóng trên địa bàn tỉnh.

Trong thời gian đầu mới thành lập, Quỹ Bảo lãnh tín dụng ủy thác cho Quỹ Đầu tư phát triển Lâm Đồng thực hiện nhiệm vụ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) có nhu cầu bảo lãnh vay vốn tại các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh.

Ngày 06/10/2015, UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành Quyết định số 2154/QĐ-UBND về điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho DNNVV tỉnh Lâm Đồng và Quỹ Bảo lãnh tín dụng chính thức đi vào hoạt động kể từ ngày 01/9/2017.

Đối tượng được bảo lãnh

- Các DNNVV đang hoạt động và có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, vay vốn bằng đồng Việt Nam tại các tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng.
- Đối tượng ưu tiên:
 - Các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ và sử dụng trên 50% lao động nữ.
 - Các doanh nghiệp do người đồng bào dân tộc thiểu số làm chủ và sử dụng từ 15% lao động là người dân tộc thiểu số.
 - Các doanh nghiệp kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu tiên, tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (theo quyết định công nhận của Thủ tướng Chính phủ hoặc Ủy ban Dân tộc).
 - Các doanh nghiệp tham gia góp vốn vào Quỹ Bảo lãnh tín dụng (nếu có).

Điều kiện được cấp bảo lãnh

- Các đối tượng được Quỹ Bảo lãnh tín dụng xem xét, cấp bảo lãnh khi có đủ các điều kiện:
- Có dự án đầu tư, phương án sản xuất, kinh doanh hiệu quả; có khả năng và cam kết hoàn trả vốn vay được Quỹ Bảo lãnh tín dụng thẩm định và quyết định bảo lãnh theo quy định hiện hành.
 - Có tổng giá trị tài sản thế chấp, cầm cố tại tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật tối thiểu bằng 15% giá trị khoản vay.
 - Có tối thiểu 15% vốn chủ sở hữu tham gia dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh.
 - Tại thời điểm đề nghị bảo lãnh, không có các khoản nợ đọng nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, nợ xấu tại các tổ chức tín dụng hoặc tổ chức kinh tế khác.
- Trong trường hợp đặc biệt, doanh nghiệp không hội đủ các điều kiện nêu trên, nhưng xét thấy cần thiết phải hỗ trợ vốn, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tồn tại và phát triển thì phải được Hội đồng quản lý xem xét, quyết định.

Mức bảo lãnh

- Quỹ Bảo lãnh tín dụng cấp bảo lãnh một phần hoặc toàn bộ phần chênh lệch giữa giá trị khoản vay và tài sản thế chấp, cầm cố của bên được bảo lãnh tại tổ chức tín dụng.
- Bảo lãnh của Quỹ Bảo lãnh tín dụng bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi vay theo quy định của bên được bảo lãnh tại bên nhận bảo lãnh.
- Mức bảo lãnh tín dụng tối đa cho một khách hàng không vượt quá 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ Bảo lãnh tín dụng.
- Tổng mức bảo lãnh tín dụng của Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho các bên được bảo lãnh tối đa không vượt quá 05 (năm) lần so với vốn điều lệ thực có của Quỹ Bảo lãnh tín dụng.

Các loại phí của hoạt động bảo lãnh tín dụng

- Phí thẩm định hồ sơ bảo lãnh tín dụng nộp Quỹ Bảo lãnh tín dụng cùng với hồ sơ đề nghị bảo lãnh tín dụng;
- Phí bảo lãnh tín dụng tính trên số tiền được bảo lãnh và thời hạn bảo lãnh. Thời hạn thu phí bảo lãnh được ghi trong Hợp đồng bảo lãnh theo thỏa thuận giữa Quỹ Bảo lãnh tín dụng và bên được bảo lãnh, phù hợp với thời hạn bảo lãnh tín dụng.
- Mức thu: Quỹ Bảo lãnh tín dụng căn cứ quy định hiện hành, đề xuất Sở Tài chính thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

Thời hạn bảo lãnh

Thời hạn bảo lãnh tín dụng được xác định phù hợp với thời hạn vay vốn đã thỏa thuận giữa bên được bảo lãnh và tổ chức tín dụng và được kéo dài đến khi khách hàng thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho tổ chức tín dụng (bao gồm thời gian thỏa thuận cho vay ban đầu trên Hợp đồng tín dụng, thời gian gia hạn nợ, điều chỉnh kỳ hạn nợ, giãn nợ). Khi tổ chức tín dụng chấp nhận gia hạn nợ, điều chỉnh kỳ hạn nợ, giãn nợ phải kịp thời thông báo cho Quỹ Bảo lãnh tín dụng biết để gia hạn thời gian bảo lãnh.

Nguồn vốn hoạt động của Quỹ Bảo lãnh tín dụng

- Vốn điều lệ:
 - Vốn cấp của ngân sách tỉnh;
 - Vốn cấp của ngân sách trung ương;
 - Vốn góp của các tổ chức tín dụng;
 - Vốn góp của các doanh nghiệp khác;
 - Vốn góp của các hiệp hội ngành nghề, các tổ chức đại diện và hỗ trợ của các DNNVV trên địa bàn tỉnh.
- Vốn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân (bao gồm cả vốn hỗ trợ phát triển chính thức ODA) trong và ngoài nước cho mục tiêu phát triển các DNNVV.
- Vốn bổ sung từ kết quả hoạt động của Quỹ Bảo lãnh tín dụng theo quy định của pháp luật.
- Các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Ngoài vốn điều lệ do ngân sách nhà nước cấp, Quỹ Bảo lãnh tín dụng rất cần có sự tham gia góp vốn của các Ngân hàng thương mại, các doanh nghiệp nhằm mở rộng quy mô bảo lãnh và tạo điều kiện thuận lợi cho các DNNVV trên địa bàn tỉnh tiếp cận được các nguồn tín dụng để mở rộng đầu tư, tạo thêm việc làm cho người lao động, thực hiện tốt hơn sự bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, đảm bảo công bằng xã hội, góp phần thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Lợi ích khi góp vốn vào Quỹ Bảo lãnh tín dụng

- Đối với các doanh nghiệp:*
- Được cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận góp vốn vào Quỹ bảo lãnh tín dụng.
 - Được chia lãi từ chênh lệch thu, chi còn lại của Quỹ bảo lãnh tín dụng theo tỷ lệ vốn góp được quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 42, Quyết định số 2154/QĐ-UBND.

- Được Quỹ bảo lãnh tín dụng quan tâm, ưu tiên xem xét bảo lãnh khi có nhu cầu được bảo lãnh để vay vốn tại các Ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh (nếu hội đủ điều kiện được bảo lãnh).
 - Các quyền lợi và nghĩa vụ khác theo quy định.
- Đối với các Ngân hàng thương mại:*
- Được cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận góp vốn vào Quỹ Bảo lãnh tín dụng.
 - Được Quỹ Bảo lãnh tín dụng ưu tiên mở tài khoản giao dịch tại ngân hàng và được ưu tiên bảo lãnh tín dụng cho khách hàng có hồ sơ đã được tổ chức tín dụng thẩm định cho vay tại tổ chức tín dụng đó (nhưng chưa đủ điều kiện để cho vay theo quy định);
 - Được chia lãi từ chênh lệch thu, chi còn lại của Quỹ Bảo lãnh tín dụng theo tỷ lệ vốn góp được quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 42, Quyết định số 2154/QĐ-UBND.
 - Các quyền lợi và nghĩa vụ khác theo quy định.

Số vốn tham gia, đóng góp vào Quỹ Bảo lãnh tín dụng sẽ được sử dụng đúng mục đích và đảm bảo nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn theo quy định.

Hồ sơ đề nghị bảo lãnh tín dụng

- Đơn xin bảo lãnh tín dụng của bên được bảo lãnh.
- Các văn bản, tài liệu chứng minh bên được bảo lãnh có đủ các điều kiện được bảo lãnh tín dụng theo quy định của Quỹ bảo lãnh tín dụng.
- Bên được bảo lãnh có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động bảo lãnh vay vốn và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp cho bên bảo lãnh.

Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu, xin liên hệ:
Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa - Sở Tài chính Lâm Đồng;
Tầng 5, Trung tâm Hành chính tỉnh Lâm Đồng; số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt;
Điện thoại: 02633.820060.

10 NĂM CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

ĐẶNG HỮU HUY, NGUYỄN BÁ PHONG
 Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng

Trong giai đoạn công nghiệp hóa và hiện đại hóa, công nghệ là yếu tố góp phần vào sự phát triển bền vững của đất nước. Giai đoạn 2006-2015, các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng về khoa học và công nghệ (KH&CN) trở nên cấp thiết, góp phần hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng tiến bộ KH&CN, đổi mới công nghệ; phát triển tài sản trí tuệ, thương hiệu; nâng cao năng lực dịch vụ kỹ thuật; tiêu chuẩn chất lượng,...

án hỗ trợ đã được ứng dụng, phục vụ sản xuất tốt hơn, đặc biệt trong hoạt động sản xuất nông nghiệp như xây dựng quy trình nhân giống cây Khoai môn, Salem, Dâu rừng; sản xuất meo giống nấm, nấm đùi gà khổng lồ,... Nhiều sản phẩm có giá trị cao, hạn chế ô nhiễm môi trường, phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế, tiết kiệm nguyên vật liệu, hợp lý hóa sản xuất đã góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa và dịch vụ trên thị trường.

Tỉnh Lâm Đồng đã ban hành các Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp trong lĩnh vực KH&CN giai đoạn 2006-2011 và 2011-2015 theo Quyết định số 3310/QĐ-UBND ngày 30/11/2006 (Chương trình 3310) và Quyết định số 1263/QĐ-UBND ngày 07/6/2011 (Chương trình 1263) của UBND tỉnh với các đối tượng hỗ trợ chính là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã theo quy định tại Nghị định số 119/1999/NĐ-CP ngày 18/9/1999 của Chính phủ về một số chính sách và cơ chế tài chính khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động KH&CN và Thông tư liên tịch số 2341/2000/TTLT/BKHCNMT-BTC ngày 28/11/2000 của Bộ KH&CN và Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 119/1999/NĐ-CP.

Đến nay, hầu hết các đơn vị được hỗ trợ đã áp dụng công nghệ sản xuất tiên tiến, quy trình vận hành cải tiến so với công nghệ cũ, mức độ đồng hóa cao (công nghệ giữa các công đoạn kế tiếp nhau có công suất và các thông số kỹ thuật phù hợp với cả dây chuyền sản xuất), chi phí năng lượng và nguyên vật liệu giảm. Nhiều doanh nghiệp đã đẩy mạnh nghiên cứu phát triển kết hợp với sản xuất - kinh doanh, phát triển thị trường công nghệ, thúc đẩy chuyển giao công nghệ tiên tiến, qua đó đã nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm, tăng năng suất lao động, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Những kết quả đạt được

Trong 10 năm qua, 111 dự án hỗ trợ về KH&CN với tổng kinh phí hỗ trợ gần 17 tỷ đồng đã được thực hiện (Bảng).

Các chương trình này hỗ trợ 45 đơn vị, doanh nghiệp nghiên cứu, cải tiến và hoàn thiện các quy trình sản xuất, nhân giống,... tạo ra các sản phẩm mới, nâng cao năng suất, chất lượng và tăng giá trị của hàng hóa sau thu hoạch. Kết quả khảo sát cho thấy, nhiều sản phẩm từ các dự

Chương trình đã mang lại những hiệu quả đáng khích lệ đối với hoạt động hỗ trợ nâng cao năng lực dịch vụ kỹ thuật trong 10 năm qua như hỗ trợ Trung tâm Phân tích và Chứng nhận Chất lượng tỉnh Lâm Đồng xây dựng và hoàn thiện các phương pháp kiểm nghiệm dựa trên các thiết bị hiện có, từ đó ban hành phương pháp thử nội bộ áp dụng tại đơn vị như: "Xây dựng quy trình xác định hàm lượng Bo (B) trong phân bón bằng phương pháp UV-VIS", "Ứng dụng kỹ thuật trao đổi anionit tách và làm giàu anion CN trong mẫu nước để xác định định lượng", "Khảo sát đánh giá hàm lượng cafein trong mẫu cà phê bột tại

Bảng. Số lượng và kinh phí thực hiện các dự án hỗ trợ doanh nghiệp KH&CN từ năm 2006 đến năm 2015

Năm	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Dự án	15	11	9	9	17	9	15	9	11	6
Kinh phí (triệu đồng)	1.700	1.170	1.400	2.200	1.800	1.865	2.630	1.000	1.700	1.288

một số cơ sở sản xuất cà phê bột trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC)”...

Dự án hỗ trợ các điểm thông tin KH&CN phục vụ nông nghiệp, nông thôn với gần 300 điểm được xây dựng tại Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng các huyện, thành phố và các đơn vị do Tỉnh đoàn Lâm Đồng chuyển giao theo dự án “Chuyển giao hệ thống Thư viện điện tử khoa học công nghệ cho các tổ chức Đoàn Thanh niên trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng” đã mang lại những hiệu quả rõ rệt, góp phần nâng cao kiến thức KH&CN phục vụ sản xuất và đời sống trong cộng đồng người dân, doanh nghiệp, đặc biệt là thanh niên. Các điểm thông tin được trang bị các thiết bị tin học, mạng Internet và thư viện điện tử với dung lượng trên 1.000 GB gồm hàng ngàn đầu sách, tài liệu gốc toàn văn, phim khoa học phục vụ công tác nghiên cứu, ứng dụng KH&CN trong trồng trọt, chăn nuôi, đời sống,... Qua đó, nhiều cá nhân, tổ chức đã nắm bắt các kỹ thuật trồng rau, hoa, cây cảnh, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, phát triển kinh tế trang trại, kinh tế vườn... để áp dụng vào thực tiễn sản xuất, góp phần nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống.

Đối với hoạt động sở hữu trí tuệ, Sở KH&CN đã tăng cường tổ chức các cuộc hội thảo, khóa đào tạo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về sở hữu trí tuệ; phát hành tài liệu hướng dẫn về tạo lập, quản lý, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ; hướng dẫn tra cứu, hỗ trợ khai thác, ứng dụng thông tin KH&CN, đặc biệt là thông tin sáng chế để định hướng nghiên cứu, tạo ra công nghệ, sản phẩm mới; phát triển thương hiệu các sản phẩm nông sản đặc trưng thế mạnh của tỉnh như Rau Đà Lạt, Hoa Đà Lạt, Trà B'Lao, Cà phê Di Linh, Cá nước lạnh Đà Lạt, Chuối LaBa,... Sở đã phối hợp với Đài Phát thanh Truyền hình Lâm Đồng thực hiện chuyên mục tuyên truyền, phổ biến kiến thức về sở hữu trí tuệ. Qua đó, các doanh nghiệp đã quan tâm hơn đến việc xác lập quyền sở hữu công nghiệp, thể hiện qua số lượt cá nhân, đơn vị tìm hiểu và tiến hành các thủ tục đăng ký tăng qua các năm. Hoạt động hỗ trợ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp (sáng chế/giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu,...) cũng được thực hiện thường xuyên qua các đợt thanh, kiểm tra định kỳ, đánh giá sơ bộ khả năng vi phạm về sở hữu công nghiệp, góp phần nâng cao nhận thức về sở hữu trí tuệ, hạn chế những vi phạm và tranh chấp có liên quan.

Bên cạnh đó, nhằm tạo điều kiện xúc tiến thương mại, đẩy mạnh việc gắn kết nghiên cứu, đào tạo với sản xuất - kinh doanh, Sở KH&CN đã tổ chức đoàn và hỗ trợ cho khoảng 66 lượt doanh nghiệp tham

gia Chợ công nghệ và thiết bị (Techmart) khu vực và quốc gia như Techmart Quảng Nam, Hà Nội, Đắk Nông, Đồng Nai...

Nhiều sản phẩm và công nghệ của tỉnh Lâm Đồng như rau, hoa, rượu vang, dược liệu... đã được giới thiệu và chào bán rộng rãi.

Một số hạn chế

Trong quá trình triển khai Chương trình, một số doanh nghiệp chưa chủ động nguồn vốn đối ứng mà còn phụ thuộc vào vốn ngân sách nhà nước nên nhiều dự án vẫn chưa mang lại hiệu quả mong muốn. Nhiều doanh nghiệp có tỷ lệ lao động trình độ đại học, cao đẳng; thợ bậc cao; công nhân đã qua huấn luyện, đào tạo thấp, ảnh hưởng đến việc thực hiện các dự án.

Việc dán nhãn hiệu, xây dựng thương hiệu, truy nguyên nguồn gốc xuất xứ sản phẩm vẫn chưa được quan tâm. Nguồn kinh phí hỗ trợ cho lĩnh vực sở hữu trí tuệ còn hạn chế, chỉ đáp ứng một phần cho việc đăng ký thương hiệu các sản phẩm hàng nông sản đặc trưng, đặc thù của tỉnh mà chưa bố trí đủ kinh phí để phát triển các nhãn hiệu này.

Nhiệm vụ trong thời gian tới

Để phát huy hơn nữa nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp về KH&CN trong giai đoạn tới, Sở KH&CN tiếp tục thực hiện một số nội dung sau:

- Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 2323/QĐ-UBND ngày 26/10/2016 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc phê duyệt “Chương trình hỗ trợ về KH&CN cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016-2020”;

- Triển khai thực hiện Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc phê duyệt “Dự án nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016-2020”;

- Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận và sử dụng hiệu quả nguồn vốn từ Quỹ KH&CN tỉnh Lâm Đồng để thực hiện các dự án ứng dụng kết quả nghiên cứu KH&CN, ưu tiên các nhóm lĩnh vực thuộc ngành công nghiệp chủ lực, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và các dịch vụ du lịch;

- Tham mưu các chính sách nhằm phát triển thị trường KH&CN trong tỉnh, phát triển doanh nghiệp KH&CN, hỗ trợ môi trường khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo...;

- Xây dựng cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp tham gia trích lập Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp. ■

XÂY DỰNG, BẢO VỆ NÔNG SẢN LÂM ĐỒNG BẰNG THƯƠNG HIỆU, NHÃN MÁC

DIỂM THƯƠNG



Theo Nghị định số 128/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ về biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN - Trung Quốc (ACFTA) giai đoạn 2016-2018, hàng trăm mặt hàng nhập khẩu từ Trung Quốc vào Việt Nam sẽ được hưởng thuế suất bằng 0% từ năm 2018. Cụ thể, thuế nhập khẩu những mặt hàng rau, củ, quả, cá, tôm,... từ 15% hiện nay sẽ về 0%. Với sự bình đẳng khi Hiệp định này có hiệu lực, thị trường nông sản được dự đoán sẽ ngày càng trở nên phức tạp bởi sự “ồ ạt” của hàng ngoại nhập. Đó cũng là áp lực của thương hiệu nông sản Đà Lạt.

Nông sản nội địa cạnh tranh gay gắt với hàng nhập

Tại thành phố Đà Lạt, trong 6 tháng đầu năm 2017, cơ quan quản lý đã kiểm tra 85 vụ, xử phạt 72 trường hợp vi phạm với số tiền trên 110 triệu đồng, liên quan đến các mặt hàng đặc sản, nông sản Đà Lạt.

Tại chợ Đà Lạt, bên cạnh các mặt hàng nông sản Đà Lạt, nông sản Trung Quốc như khoai tây, cà rốt, hành tây, bắp cải,... được bán xen lẫn, nếu không biết phân biệt cụ thể từng loại, người tiêu dùng dễ mua nhầm hàng có xuất xứ không rõ ràng.

Theo nhận định của Công ty Dream Incubator Vietnam JSC (DI) - Nhật Bản (đại diện cho tổ chức JICA Nhật Bản) về kết quả khảo sát nông nghiệp Đà Lạt làm cơ sở cho sự hợp tác phát triển nông nghiệp giữa Nhật Bản và Lâm Đồng: “nông sản Trung Quốc đang xâm nhập nhanh chóng vào Việt Nam, đặt nông sản nội địa vào thế phải cạnh tranh gay gắt”. Đà Lạt, Lâm Đồng được coi là vựa rau của Việt Nam nhưng do không có đặc điểm phân biệt rõ ràng nên đang mất dần thị phần.

Hiện nay, nông sản Trung Quốc đang chiếm lĩnh hơn 70% thị phần một số nông sản ôn đới thế mạnh của Đà Lạt. Tại một số chợ truyền

thống ở thành phố Hồ Chí Minh, 80% khoai tây, 70% hành củ, cà rốt và bông cải xanh là hàng Trung Quốc.

Kết quả phỏng vấn 40 bà nội trợ, nhân viên văn phòng và công nhân nhà máy tại thành phố Hồ Chí Minh của Công ty DI cho thấy, khoảng 97,5% người cho rằng xuất xứ là tiêu chí quan trọng khi mua rau, củ, quả và thừa nhận không thể phân biệt được xuất xứ, nguồn gốc của các loại nông sản cũng như bày tỏ sự lo lắng về an toàn vệ sinh, sức khỏe đối với nông sản Trung Quốc.

Thực tế hiện nay, hầu khắp cả nước, đặc biệt là các khu vực nông thôn, kiến thức tiêu dùng còn hạn chế; quy định truy xuất, quản lý mã vạch về nguồn gốc xuất xứ trên bao bì sản phẩm chưa chặt chẽ.

Cần có biện pháp bảo vệ thương hiệu nông sản Lâm Đồng

Ông Kiều Xuân Việt - Chi cục trưởng Chi cục Quản lý Thị trường cho rằng: thực tế, công tác quản lý gặp nhiều khó khăn, ngành quản lý thị trường không bao quát hết tất cả. Khi đơn vị kinh doanh có dấu hiệu đáng nghi ngờ thì quản lý thị trường theo dõi để phát hiện những vi phạm, sai trái của đơn vị. Việc kiểm tra chất lượng sản

phẩm thuộc thẩm quyền của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Khi có dấu hiệu vi phạm, ngành chức năng kiểm tra mà doanh nghiệp xuất trình đầy đủ hóa đơn và lấy mẫu kiểm tra không vượt ngưỡng an toàn thì không vi phạm, chỉ có thể xử lý khi sản phẩm bị làm giả nhãn mác. Chính những tiểu thương kinh doanh và những người làm nông sản cần phải ý thức để chấn chỉnh, việc “gắn” nhãn mác Đà Lạt lên nông sản ngoại vì lợi nhuận của các nhà phân phối, bán lẻ làm cho nông sản Đà Lạt “thua” trên sân nhà.

Theo ông Nguyễn Văn Sơn - Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Lâm Đồng: vấn đề lớn nhất là do nông sản Đà Lạt khi đưa ra thị trường chưa có nhãn mác xuất xứ. Hiện nay, hơn 80% sản lượng rau Đà Lạt được tiêu thụ ở các chợ truyền thống, bày bán chung với nông sản của các tỉnh, thành khác và nông sản nhập từ Trung Quốc, làm cho người tiêu dùng khó phân biệt, do đó, rau Đà Lạt đang mất dần thị trường. Để góp phần giải quyết vấn đề này, UBND tỉnh Lâm Đồng đã đưa ra lộ trình đến hết năm 2017, toàn bộ nông sản Đà Lạt và vùng lân cận trước khi xuất đi tiêu thụ phải được gắn nhãn mác xuất xứ.

Ông Huỳnh Ngọc Hải - Giám đốc Sở Công thương tỉnh Lâm Đồng phân tích: khi các Hiệp định thương mại được thông qua, là thách thức cũng là cơ hội cho nông sản Đà Lạt vươn ra thế giới, chiếm lĩnh thị phần bằng chất lượng. Để tồn tại và giữ thị phần, nông sản Đà Lạt phải không ngừng thay đổi chất lượng; người sản xuất,

Xây dựng thương hiệu là chuyện khó, “giữ” và bảo vệ thương hiệu nông sản còn gian nan hơn. Câu chuyện về nông sản ngoại nhập “đội lốt” nông sản Đà Lạt cần được quan tâm với những giải pháp quyết liệt hơn nữa. Những giải pháp phòng vệ bằng hàng rào an toàn vệ sinh thực phẩm ở khâu nhập khẩu chỉ là một phần, quản lý chặt ngay trong nước mới quan trọng. Trước áp lực thuế nhập khẩu chỉ còn 0% và môi trường cạnh tranh ngày càng thay đổi, các tiểu thương kinh doanh, người làm nông nghiệp cũng cần thay đổi tư duy bắt kịp xu thế, tăng năng suất, chất lượng sản phẩm nông nghiệp và bảo vệ thương hiệu uy tín mà Lâm Đồng đang xây dựng cho nông sản.

kinh doanh nông sản phải thay đổi tư duy kinh doanh, không vì lợi nhuận trước mắt mà đánh mất thị trường, mất thương hiệu.

Về phía doanh nghiệp cũng có nhiều trăn trở, ông Nguyễn Công Thừa - Giám đốc Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Tổng hợp Anh Đào chia sẻ: doanh nghiệp rất băn khoăn về vấn đề này; dù chất lượng tốt nhưng giá thành sản phẩm cao nên khả năng cạnh tranh sẽ kém vì người tiêu dùng có thói quen chọn giá rẻ để mua.

Thời gian tới, khi thuế nhập khẩu hàng nông sản từ Trung Quốc vào Việt Nam về mức 0% sẽ kéo theo hàng loạt khó khăn cho các doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp của tỉnh. ■

THÀNH LẬP TỔ HỖ TRỢ KHỞI NGHIỆP TỈNH LÂM ĐỒNG

UBND tỉnh Lâm Đồng vừa thành lập Tổ hỗ trợ khởi nghiệp gồm 8 thành viên, trong đó ông Nguyễn Xuân Hùng - Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh làm tổ trưởng, các thành viên là đại diện các phòng chuyên môn thuộc các Sở Công thương, Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Tổ hỗ trợ khởi nghiệp có nhiệm vụ đẩy mạnh việc thực hiện Đề án hỗ trợ khởi nghiệp tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020; đề xuất các cơ chế, chính sách phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh để hỗ trợ khởi nghiệp.

Bên cạnh đó, Tổ sẽ vận động, kêu gọi các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đóng góp vào

Quý hỗ trợ khởi nghiệp của tỉnh, đầu tư vào các dự án, ý tưởng khởi nghiệp của thanh niên; thẩm định, xét duyệt, tư vấn và hỗ trợ các dự án, ý tưởng khởi nghiệp khả thi; nghiên cứu, hợp tác với các trường đại học, cao đẳng, các đoàn thể, hiệp hội doanh nghiệp phát động các cuộc thi tuyển chọn dự án, ý tưởng khởi nghiệp và giới thiệu, quảng bá các dự án, ý tưởng khả thi; hướng dẫn, giúp đỡ các doanh nghiệp, cá nhân khởi nghiệp tiếp cận thuận lợi các chính sách, chương trình hỗ trợ khởi nghiệp của Trung ương và địa phương.

Tổ hỗ trợ khởi nghiệp ra đời sẽ là điểm tựa thúc đẩy tinh thần quốc gia khởi nghiệp của các tổ chức, cá nhân, đặc biệt là những người trẻ tuổi trên địa bàn tỉnh. ■

ĐÁNH GIÁ SỰ HÀI LÒNG CỦA CỘNG ĐỒNG DOANH NGHIỆP VỀ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ CÔNG ĐIỆN TỬ TỈNH LÂM ĐỒNG

HỒ QUANG THANH

Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Lâm Đồng

Nghiên cứu này nhằm xây dựng và khẳng định các thành phần, yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của cộng đồng doanh nghiệp đối với chất lượng dịch vụ công điện tử của tỉnh Lâm Đồng. Mối quan hệ này được kiểm định bằng mô hình phương trình cấu trúc (Structural Equation Modelling: SEM) trên cơ sở lý thuyết hài lòng và tham chiếu theo mô hình đo lường sự hài lòng của công dân đối với các dịch vụ điện tử của Chính phủ Hoa Kỳ: ACSI (E-American Government Satisfaction Index) (Michigan, 2008).

Kết quả cho thấy có 5 thành phần: Thông tin, Quá trình, Trang mạng, Kỳ vọng và Chất lượng cảm nhận với 11 biến quan sát được khẳng định độ tin cậy, độ giá trị khái niệm và giá trị nội dung là các nhân tố quan trọng làm thỏa mãn, hài lòng đối với các doanh nghiệp. Đồng thời, giải thích được 72% sự hài lòng của cộng đồng doanh nghiệp đối với chất lượng dịch vụ công điện tử của tỉnh Lâm Đồng.

1. Mô hình hài lòng về dịch vụ công điện tử

ACSI được xây dựng dựa trên mô hình toán kinh tế của các nhà quản trị Trường Đại học Michigan. Đây là mô hình nhân – quả với lý thuyết khoa học được xây dựng theo quy trình suy diễn để khám phá, kiểm tra, đánh giá các mối quan hệ giữa chất lượng dịch vụ công điện tử với kỳ vọng của khách hàng (Customer Expectations), chất lượng cảm nhận (Perceived Quality) và sự hài lòng của khách hàng (Customer Satisfaction) (Michigan, 2008).

Các dịch vụ Chính phủ điện tử thường có 4 nhóm chính: Thông tin (Information), Quá trình (Process), Trang mạng (Website) và Dịch vụ khách hàng (Customer service). Đây là những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp, quyết định đến chất lượng cảm nhận và qua đó, gián tiếp ảnh hưởng đến sự hài lòng (Michigan, 2008).

Sự hài lòng của khách hàng với Chính phủ điện tử trong mô hình ACSI có 2 tiền đề:

- Chất lượng cảm nhận, được giả thuyết là có tác động trực tiếp đến sự hài lòng, đã được khẳng định bởi nhiều nghiên cứu về tiếp thị và người tiêu dùng (Fornell & ctg, 1996; Fornell & ctg, 2005; Yi, 1991).

- Kỳ vọng/Mong đợi là lợi ích thực tế đáp ứng so với Kỳ vọng đã đặt ra. Kỳ vọng có ảnh hưởng tích cực đến sự hài lòng của khách hàng

cũng như chất lượng cảm nhận (Oliver, 1980; Van Raaij, 1989).

Dựa vào các cơ sở nêu trên và các nghiên cứu định tính, nghiên cứu đã xây dựng và phát triển mô hình nghiên cứu đo lường sự hài lòng của doanh nghiệp đối với chất lượng dịch vụ công điện tử tỉnh Lâm Đồng gồm 5 cấu trúc nguyên nhân (H₁-H₅), 2 cấu trúc kiểm soát, mô tả chất lượng cảm nhận và biến mục tiêu là sự hài lòng (H₆-H₇), viết tắt là LDCSI.

Trên cơ sở mô hình nghiên cứu lý thuyết được đề xuất, các giả thuyết H₁, H₂,... và H₇ sẽ được kiểm định bằng mô hình mạng SEM (Structural Equation Modeling).

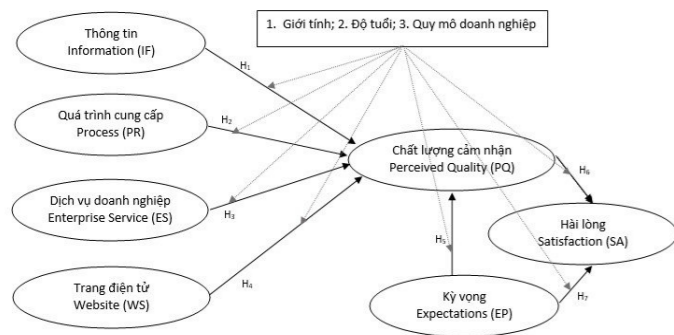
2. Khảo sát dữ liệu

Bảng câu hỏi được xây dựng dựa trên các tham khảo thành phần, khái niệm, thang đo và mô hình ACSI (Michigan, 2008).

Quá trình khảo sát được thực hiện trong 6 tháng đầu năm 2017 với đối tượng ngẫu nhiên là các nhà quản lý doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng theo xác suất tương ứng với quy mô doanh nghiệp.

Nội dung khảo sát gồm 7 thành phần với 16 câu hỏi, sử dụng thang đo dạng Likert với 7 điểm, trong đó, 1 là rất thấp và 7 là rất cao.

Kích thước mẫu tối thiểu phải bằng 10 lần số lượng biến quan sát (Harrell, 2015).



Hình 1. Mô hình đo lường chính quyền điện tử Lâm Đồng (LDCSI)

Với 171/200 phiếu khảo sát phát ra ban đầu (đạt 85,50%) là phù hợp với yêu cầu. Kết quả mẫu khảo sát là 171 so với yêu cầu cỡ mẫu tối thiểu là 150 với 15 biến quan sát là chấp nhận được. Đồng thời, khi Bootstrap mẫu lặp lại (N=500) với kết quả các chỉ số tới hạn C.R ≤ 2.00 (p > .05) cho biết mẫu và mô hình ước lượng (ML) đáng tin cậy được dùng để kiểm định giả thuyết nghiên cứu.

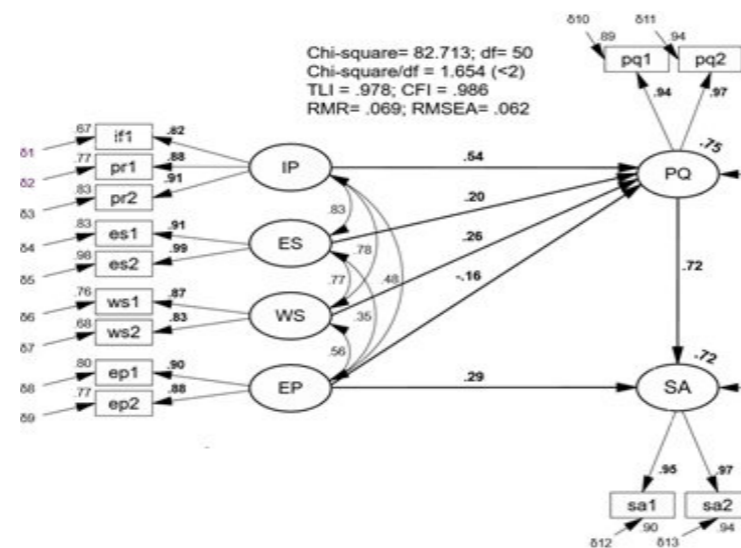
Bảng 1. Thang đo các dịch vụ công điện tử do chính quyền cấp tỉnh cung cấp cho doanh nghiệp E-PS (E-public services provided by the provincial government to businesses)

Tên thành phần	Ký hiệu biến QS	Nội dung	Nguồn
Thông tin (Informatoin): IF	if1	Khả năng doanh nghiệp được tiếp cận thông tin về E-PS	Michigan (2008)
	if2	Thông tin về E-PS minh bạch, đầy đủ	
Quá trình cung cấp (Process): PR	pr1	Tính kịp thời của quá trình cung cấp E-PS	Michigan (2008)
	pr2	Dễ dàng khai thác, sử dụng quá trình cung cấp E-PS	
Dịch vụ doanh nghiệp (Enterprise Service): ES	es1	Chính quyền các cấp có thái độ nhã nhặn, lịch sự và chu đáo	Michigan (2008)
	es2	Chính quyền các cấp của tỉnh thể hiện tính chuyên nghiệp	
Trang thông tin điện tử chính quyền các cấp (Website): WS	ws1	Dễ dàng sử dụng WS của chính quyền các cấp	Michigan (2008)
	ws2	WS của chính quyền các cấp rất hữu ích cho doanh nghiệp	
Kỳ vọng, mong đợi (Enterprise Expectations): EP	ep1	Xin vui lòng cho biết với mức độ như thế nào sẽ thực sự đáp ứng mong đợi của Anh/Chị?	Michigan (2008) và nghiên cứu định tính
	ep2	Sắp tới, hãy vui lòng cho biết kỳ vọng của Anh/Chị đối với E-PS nói chung?	
Chất lượng cảm nhận (Perceived Quality): PQ	pq1	Đánh giá chất lượng về E-PS mà Anh/chị đã nhận được: nhận thức tùy chỉnh và nhận thấy độ tin cậy	Michigan (2008) và nghiên cứu định tính
	pq2	Đánh giá tổng thể về chất lượng đối với E-PS	
Sự hài lòng (Satisfaction): SA	sa1	Nhìn chung, doanh nghiệp hài lòng với E-PS	Michigan (2008)
	sa2	E-PS đáp ứng được Mong đợi/Kỳ vọng của doanh nghiệp	
	sa3	E-PS thì hiệu quả so với nhận định của doanh nghiệp	

Đây là một cuộc khảo sát thử nghiệm và dữ liệu chủ yếu được sử dụng để phân tích tính khả thi của việc điều tra về sự hài lòng của cộng đồng doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng đối với dịch vụ công điện tử.

3. Kết quả khảo sát và phân tích

Kết quả cho thấy, Chất lượng dịch vụ và Kỳ vọng có tác động trực tiếp, quyết định đến sự hài lòng của doanh nghiệp và 4 nhân tố tiền đề là Thông tin - Quá trình (trong phân tích nhân tố, khái niệm IF và PR được nhập thành một, do đó, thành phần này là IP (Information-Process)). Dịch vụ doanh nghiệp và Trang mạng có ảnh hưởng đến Chất lượng cảm nhận, qua đó gián tiếp tác động đến sự hài lòng của doanh nghiệp (Hình 2).



Hình 2. Mô hình SEM về mối quan hệ giữa các nhân tố tác động đến sự hài lòng của doanh nghiệp



Như vậy, tất cả các nội dung trong bảng câu hỏi khảo sát đều đạt độ tin cậy; giá trị khái niệm, nội dung. Đặc biệt, kết quả phân tích cho thấy các tham số về mối quan hệ giữa biến tiềm ẩn với biến quan sát và biến tiềm ẩn với tiềm ẩn trong mô hình LDCSI là rõ ràng và hợp lý (Hình 2).

Thứ nhất, các hệ số về mối quan hệ trong mô hình có ý nghĩa thống kê cũng như giá trị thực tiễn; đồng thời, phù hợp với dự đoán của mô hình lý thuyết H₁-H₇. Qua đó, khẳng định giá trị của mô hình lý thuyết SEM (Hình 1).

Thứ hai, các thành phần IP, ES, WS và EP tác động tương đối đến PQ với trọng số lần lượt: .54; .20; .26; -.16 và giải thích được 75% Chất lượng cảm nhận (PQ); EP → PQ có giá trị âm (-) do giá trị Kỳ vọng lớn hơn Chất lượng cảm nhận (5.53 so với 4.52). Đồng thời, EP và PQ tác động đến SA với trọng số lần lượt .29; .72 và giải thích được 72% mức độ hài lòng của cộng đồng doanh nghiệp đối với Chất lượng dịch vụ công điện tử của tỉnh. Điểm trung bình các khái niệm nghiên cứu đạt mức độ cao: 5/7 (T-Test với Test Value = 5).

4. Kết luận và hướng nghiên cứu tiếp theo

4.1 Hàm ý của nghiên cứu và khuyến nghị cho nhà quản lý

a) Về mô hình đo lường và mô hình lý thuyết nghiên cứu

Nghiên cứu đã xây dựng, kiểm định được thang đo các thành phần và mô hình để đo lường, đánh giá mức độ thỏa mãn, hài lòng của cộng đồng doanh nghiệp đối với các dịch vụ công điện tử của tỉnh Lâm Đồng.

Kết quả của nghiên cứu góp phần bổ sung vào hệ thống lý thuyết về mức độ thỏa mãn, hài

lòng chung của người dân, tổ chức đối với chính quyền điện tử. Có thể xem mô hình này như một phần tham khảo cho các nghiên cứu về các nội dung có liên quan.

b) Khuyến nghị cho nhà lãnh đạo, quản lý

- Hàng năm, các nhà lãnh đạo, quản lý có thể tham khảo các thành phần, thang đo này (Bảng 1, Hình 2) để đo lường mức độ phục vụ của chính quyền điện tử đối với cộng đồng doanh nghiệp (tương tự các nước trên thế giới) nhằm đánh giá, đề ra các giải pháp khắc phục kịp thời, góp phần cải cách thủ tục hành chính và mang lại hiệu quả cho bộ máy hành chính.

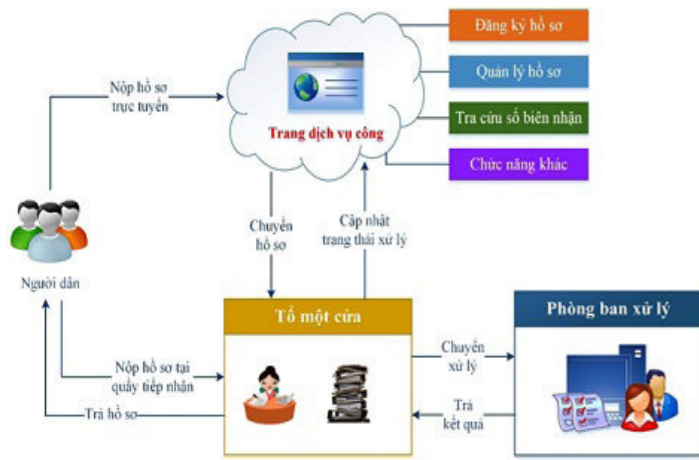
- Nên có khảo sát, đánh giá riêng cho từng ngành, lĩnh vực, địa phương; qua đó, chính quyền cấp tỉnh có căn cứ và giải pháp cụ thể, tránh tình trạng chung chung, thiếu cơ sở khoa học để chấn chỉnh, xử lý đối tượng chậm trễ, gây phiền hà cho doanh nghiệp,...

- Các yếu tố, thành phần của mô hình có thể tham khảo cho chính quyền địa phương nhằm đưa ra cơ chế, chính sách và giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ công điện tử nói riêng, hoạch định chính sách phát triển thương mại điện tử cho doanh nghiệp nói chung. Đặc biệt, cần tập trung vào cơ chế, chính sách công khai, minh bạch, cạnh tranh và thông thoáng; giảm thời gian, chi phí, phiền hà, tiêu cực và các chi phí không chính thức,...; các thủ tục hành chính phải đơn giản, gọn nhẹ, rút ngắn thời gian giải quyết thông qua giải pháp công nghệ thông tin, internet, tương tác bằng giao dịch điện tử, trực tuyến.

- Tăng cường, nâng cao chất lượng dịch vụ công nhằm cải cách hành chính, đặc biệt, cải cách thủ tục hành chính trên cơ sở cung cấp các dịch vụ công điện tử trong các lĩnh vực nhạy cảm như đăng ký thành lập doanh nghiệp, thuế, hải quan, tiếp cận đất đai, thanh kiểm tra,...; phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng cứng và mềm về công nghệ thông tin phục vụ chính quyền điện tử.

- Các sở, ngành, huyện, thành phố cần rà soát các thủ tục hành chính trong lĩnh vực phụ trách để sửa đổi, bổ sung theo hướng giảm phiền hà, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trên cơ sở chuyển sang cung cấp dịch vụ công điện tử là chủ yếu.

Dựa trên nền tảng công nghệ thông tin nói chung và đặc biệt là internet để cung cấp và ứng dụng các dịch vụ công điện tử. Đây cũng là xu hướng phát triển tất yếu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.



Trên cơ sở đó, triển khai đồng bộ hệ thống giải pháp được khuyến nghị nhằm góp phần đạt mục tiêu bảo đảm sự hài lòng của doanh nghiệp về dịch vụ công điện tử của tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020 là 90% (hiện nay, kết quả khảo sát của nghiên cứu này là 72%).

4.2 Hạn chế và hướng nghiên cứu tiếp theo

Qua kết quả trên, có thể đưa ra một số đề nghị cho nghiên cứu tiếp theo:

a) Mở rộng mô hình, tiếp tục nghiên cứu bổ sung 2 thành phần có ảnh hưởng đến sự hài lòng của doanh nghiệp: Sự khiếu nại (Customer Complaints), tố thái độ không hài lòng và luôn luôn sử dụng dịch vụ cũng như sẵn sàng giới thiệu cho người khác sử dụng (User Trust) (Michigan, 2008); nhằm tiến đến xây dựng mô hình đo lường hoàn chỉnh và phù hợp hơn.

b) Từ kết quả công trình nghiên cứu này, tỉnh Lâm Đồng có thể tham khảo mở rộng mẫu điều tra, phạm vi và thành phần khảo sát làm cơ sở xây dựng cơ chế, chính sách và giải pháp cụ thể nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ công điện tử; hoạch định chính sách phát triển doanh nghiệp, phục vụ công tác quản lý và phát triển kinh tế - xã hội địa phương. ■

ĐỐI THOẠI VỚI DOANH NGHIỆP VỀ CHÍNH SÁCH MỚI TRONG LĨNH VỰC THUẾ, HẢI QUAN

Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch Lâm Đồng vừa phối hợp với phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh, Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng và Chi cục Hải quan Đà Lạt tổ chức *Hội nghị phổ biến và đối thoại với doanh nghiệp về chính sách mới trong lĩnh vực thuế, hải quan 2017* với sự tham dự của hơn 100 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Hội nghị nhằm hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh nắm bắt thông tin, chính sách mới trong lĩnh vực thuế, hải quan năm 2017 và giải đáp các thắc mắc trong quá trình thực hiện chính sách của doanh nghiệp.

Hội nghị phổ biến các Nghị định về kinh doanh hàng miễn thuế (Nghị định số 167/2016/NĐ-CP); hướng dẫn Luật Khoáng sản (Nghị định số 158/2016/NĐ-CP); quy định về điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế, kho bãi, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan (Nghị định số 68/2016/NĐ-CP); quy định chi tiết về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự và xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự (Nghị định số 58/2016/NĐ-CP); sửa đổi quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của

Bộ Công an (Nghị định số 77/2016/NĐ-CP); quy định chi tiết Luật Thương mại về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (Nghị định số 07/2016/NĐ-CP);...

Tại hội nghị, các doanh nghiệp đã đặt nhiều câu hỏi xung quanh các vấn đề về chính sách thuế, hải quan, đầu tư có hiệu lực từ ngày 01/7/2017 và thực tiễn áp dụng tại Lâm Đồng. Một số thắc mắc của doanh nghiệp liên quan đến ưu đãi về thuế đối với doanh nghiệp có 100% vốn đầu tư nước ngoài ủy thác cho doanh nghiệp Việt Nam tham gia hoạt động xuất, nhập khẩu; thủ tục hải quan; việc quyết toán nguyên vật liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu; chính sách thuế; địa điểm làm thủ tục hải quan khi nhập khẩu nguyên liệu vật tư; trách nhiệm báo cáo quyết toán; một số quy định về hồ sơ thủ tục đăng ký thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa qua cửa khẩu phụ... đã được lãnh đạo Cục Hải quan, Cục Thuế trả lời tại buổi đối thoại, đồng thời ghi nhận và chuyển đến các cơ quan chức năng nhằm giải quyết, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

Buổi đối thoại đã tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hiểu rõ hơn về chính sách của Nhà nước; giúp cơ quan quản lý đề ra các giải pháp hữu hiệu nhằm hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. ■

CHUỖI RAU AN TOÀN, NHÌN TỪ NHẬT BẢN

Nhật Bản, nước công nghiệp có chiều dài từ Bắc xuống Nam tương tự Việt Nam, địa hình kéo dài hơn 25 vĩ độ; phía Bắc có khí hậu ôn đới, nhiều tháng tuyết phủ, phía Nam khí hậu khá ẩm áp.

Diện tích đứng thứ 62 thế giới (Việt Nam đứng thứ 66), tài nguyên không giàu, dân số trên 120 triệu người, hiện chỉ còn 3,9% số lao động làm nông nghiệp.



Thu hoạch rau bằng cơ giới hóa

Hiện nay, rau, quả sản xuất tại Nhật Bản mới đáp ứng khoảng 70-80% nhu cầu tiêu thụ nội địa, còn lại phải nhập khẩu; tuy nhiên, tiêu chuẩn kỹ thuật khá cao, đặc biệt là việc kiểm tra chất lượng và an toàn thực phẩm với hàng trăm chỉ tiêu phân tích, đánh giá. Mặt hàng rau, quả cao cấp của Nhật Bản cũng được xuất khẩu tới các thị trường khác trên thế giới và được đánh giá cao về chất lượng, độ đồng đều, an toàn thực phẩm.

GAP ở Nhật Bản

Việc xây dựng tiêu chuẩn sản xuất an toàn ở Nhật Bản do Ủy ban chung về GAP thực hiện. Cơ quan này chịu trách nhiệm tập huấn, phổ biến GAP thực hiện việc đào tạo xây dựng, sản xuất an toàn JGAP (Japanese GAP) với hơn 4.000 giảng viên là cơ quan dưới quyền của Ủy ban chung về GAP.

Ngoài ra, cơ quan này cũng chịu trách nhiệm về cấp phép với 4 đơn vị chứng nhận và 123 chứng nhận viên có nhiệm vụ kiểm tra, đánh giá, giám sát người sản xuất có yêu cầu chứng nhận, chịu trách nhiệm về chất lượng chứng nhận trước cơ quan chứng nhận.

Áp dụng GAP ở Nhật Bản với cách tiếp cận rất mở và thực hiện từ dưới lên; người sản xuất, doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia đóng góp cho



Hành lá sản xuất theo tiêu chuẩn JGAP ở Ibaraki, Nhật Bản

việc xây dựng và ban hành tiêu chuẩn này. JGAP cũng thường xuyên được sửa đổi, điều chỉnh phù hợp với yêu cầu của thị trường và người tiêu dùng.

Tiêu chuẩn JGAP xây dựng dựa trên cơ sở của GlobalGAP và mang tính bao quát, tuân thủ các quy định của Luật An toàn thực phẩm. Tuy nhiên, nhiều doanh nghiệp lớn đều xây dựng các tiêu chuẩn riêng về an toàn thực phẩm với sản phẩm rau, quả của địa phương, công ty, chẳng hạn như AEON.

Các tiêu chuẩn riêng này có thể đơn giản hơn nhưng phần lớn là cao hơn tiêu chuẩn chung. Theo quan điểm của Nhật, nông dân cần những hướng dẫn đơn giản, dễ hiểu. Khi ý thức sản xuất an toàn đã ăn vào máu thịt thì tiêu chuẩn được nâng dần lên để đáp ứng nhu cầu thị trường, người tiêu dùng.

Hiện tại, các tiêu chí thân thiện với môi trường, giảm sử dụng phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật từ 30-50% được đưa ra để đánh giá và bình chọn sản phẩm nông sản.

Trước đây, một vụ trồng rau (ví dụ cải bắp) thường có số lần phun thuốc bảo vệ thực vật từ 6-7 lần. Hiện nay, với quy trình kỹ thuật mới, số lần phun giảm còn 3-4 lần nhưng điều quan trọng



Nhật ký ghi chép sản xuất của nông dân Nhật Bản

là nông dân Nhật Bản tuân thủ nghiêm ngặt việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật từ chủng loại, liều lượng đến việc ghi chép, cảnh báo tỉ mỉ để tránh nhiễm chéo.

Các tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp Nhật Bản rất chú trọng đến việc tổ chức trải nghiệm cho người tiêu dùng tới các vùng, điểm sản xuất theo hình thức du lịch trải nghiệm đồng quê để chia sẻ cách thức người nông dân sản xuất sản phẩm rau, thịt, sữa... đảm bảo an toàn thực phẩm. Qua đó, người tiêu dùng tin tưởng vào các sản phẩm nông sản trong nước. Vì vậy, việc chứng nhận không thực sự quan trọng tại nước này.

Tuy nhiên, năm 2020, Thế vận hội Olympic sẽ được tổ chức ở Nhật Bản, đòi hỏi các sản phẩm thực phẩm (rau, gạo, sữa, thịt...) phải được chứng nhận theo tiêu chuẩn JGAP hoặc GlobalGAP.

Tổ chức sản xuất

Sản xuất rau ở Nhật, dù là các hộ nông dân, hợp tác xã hay doanh nghiệp đều được lập kế hoạch canh tác theo đơn đặt hàng mà không theo phong trào. Kế hoạch này gắn với tiêu thụ trong vùng, liên vùng và được các cơ quan quản lý của ngành hướng dẫn, giám sát. Đây là những lý do không có chuyện “được mùa, mất giá” ở Nhật.



Ruộng bắp cải sản xuất theo tiêu chuẩn JGAP

Hợp tác xã được tổ chức chặt chẽ và tham gia sản xuất, kinh doanh đa ngành, kể cả tín dụng và du lịch.

Sản xuất ở Nhật cũng chuyên môn hóa sâu, tạo thương hiệu sản phẩm cho từng vùng như dưa hấu vùng Hokkaido hay Chiba, hành lá ở Ibaraki,...

Sản phẩm được đưa vào siêu thị phải đảm bảo độ đồng đều cao, với hệ thống chế biến phân loại hiện đại, như khối lượng, kích thước cải bắp khi thu hoạch không đúng quy định đều bị bỏ lại ruộng và cây vùi làm phân bón.

Nhật Bản là quốc gia thuộc “tóp đầu” trong việc nghiên cứu về vi sinh vật, đặc biệt, việc ứng dụng vi sinh trong phân bón. Phân bón cho sản xuất rau ở đây phần nhiều là hữu cơ vi sinh. Việc bón phân như thế nào, liều lượng bao nhiêu đều dựa trên các khảo sát và phân tích dinh dưỡng đất thường xuyên.

Trong trường hợp do ảnh hưởng của thời tiết, năng suất, chất lượng rau có sự biến động dẫn đến cung không đáp ứng cầu hoặc cung vượt cầu, Nhật Bản có chính sách điều tiết liên vùng. Khi vùng này mất mùa do gặp thiên tai, rau, thực phẩm được nhà nước điều tiết và huy động từ các vùng khác, nhập khẩu và từ nguồn dự trữ; trường hợp dư thừa, nhà nước trả tiền cho nông dân để có thể tiêu hủy, cây vùi rau làm phân bón. Do vậy không có tình trạng “dội chợ” như Việt Nam.

Đất được luân phiên để nghỉ, bỏ hóa và gieo trồng lúa mạch, kê hay cây họ đậu rồi cây vùi để cải tạo. Do đó, đất rất tốt, tơi xốp và giàu mùn.

Quý ổn định giá

Để ổn định giá cả thị trường, nhất là đối với rau, Quý ổn định giá nông sản được Chính

phủ thành lập và giao cho Tổng công ty Nông nghiệp và Chăn nuôi (Agricultural and Livestock corporation - ALIC) điều hành thực hiện.

Quý này chịu trách nhiệm ổn định giá không chỉ với rau mà cả các sản phẩm chăn nuôi nhằm mục tiêu ổn định sản xuất cho nông dân, không để xảy ra tình trạng “khủng hoảng” các sản phẩm nông sản. 60% kinh phí của Quý được nhà nước bố trí; 20% do địa phương chịu trách nhiệm và 20% được đóng góp từ doanh nghiệp và nông dân. Hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp và hợp tác xã tham gia tự nguyện vào Quý chịu sự kiểm soát chặt chẽ của ALIC.

Kế hoạch sản xuất, tiêu thụ được xây dựng chi tiết và được kiểm duyệt bởi cơ quan quản lý nhà nước, ngay cả chủng loại rau cũng được chỉ định. Quý bình ổn giá này được chủ động từ trước và xem như bảo hiểm đối với nông sản.

Phân phối sản phẩm

Khâu bán hàng và phân phối sản phẩm của Nhật Bản khá đa dạng. Hệ thống chợ đầu mối và những phiên đấu giá mang tính công nghiệp, hiện đại. Riêng Tokyo đã có tới vài chục chợ đầu mối với quy mô từ 20 ha đến trên 50 ha và hệ thống kho lạnh, kho mát hoàn hảo. Hệ thống phân phối khép kín với những quy định chặt chẽ từ sản xuất, thu mua đến chế biến.

Hiện nay, nhiều hợp tác xã tổ chức các cửa hàng bán sản phẩm nông sản cho xã viên.



Sơ chế và bao gói sản phẩm hành lá

Xã viên mang sản phẩm tới bày trên kệ hàng đã được hợp đồng, mỗi hộ có mã số, mã vạch riêng để truy nguyên nguồn gốc; cửa hàng thu tiền giúp xã viên với giá thành tùy thuộc chất lượng, mẫu mã để người tiêu dùng có thể chấp nhận. Đây là hình thức bán hàng ủy thác hiện đang được mở rộng.

Một kiểu bán trực tiếp (Direct Sale) cũng đã xuất hiện, đó là một nhóm người tiêu dùng đặt hàng với nông hộ, trang trại để lấy nông sản hàng tuần. Hình thức này được đánh giá là có độ tin cậy vì quen biết, địa chỉ rõ ràng, giảm công giám sát, chứng nhận và bao gói sản phẩm. ■

Theo nongnghiep.vn

TẬP HUẤN KỸ NĂNG MỀM CHO DOANH NGHIỆP

NGUYỄN TÚ UYÊN

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Lâm Đồng

Nhận thức được tầm quan trọng của kỹ năng mềm đối với sự thành công của các doanh nghiệp, nhất là đối với cấp quản lý, lãnh đạo, trong khuôn khổ dự án “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng”, ngày 26-29/9/2017, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đã phối hợp với Công ty TNHH Tư vấn và Đào tạo Vinh Danh Việt tổ chức 02 lớp tập huấn về kỹ năng hoạch định quản lý theo mục tiêu MBO-KPI và kỹ năng huấn luyện, kèm cặp, tạo động lực làm việc cho nhân viên.

Lớp tập huấn đã thu hút sự tham gia của 130 cán bộ, nhân viên của 36 lượt doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

Với phương pháp đào tạo lấy học viên làm trung tâm, ngoài các kiến thức mà giảng viên truyền đạt, các học viên được làm bài tập tình huống, tham gia trò chơi tìm hiểu các nguyên tắc hoạch định, quản lý, kèm



cặp động viên, ủy thác trao quyền cho nhân viên, áp dụng phương pháp đánh giá hiệu quả làm việc bằng KPI để đi đến mục tiêu. Từ các kiến thức và kỹ năng đã được hướng dẫn, học viên sẽ vận dụng để nâng cao năng suất, chất lượng công việc của bản thân và doanh nghiệp. ■

TẬP HUẤN VỀ CÔNG CỤ VÀ KỸ NĂNG CẢI TIẾN NĂNG SUẤT VÀ CHẤT LƯỢNG CHO CÁC DOANH NGHIỆP

NGUYỄN TÚ UYÊN

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Lâm Đồng

Nhằm nâng cao nhận thức về năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa thông qua việc đào tạo, tập huấn kiến thức cho các doanh nghiệp, từ ngày 10-14/7/2017, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đã phối hợp với Trung tâm Đào tạo Nghiệp vụ Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tổ chức 03 lớp tập huấn “Thực hành 5S trên nền tảng hệ thống khuyến nghị cải tiến liên tục Kaizen”, “Kỹ năng làm việc nhóm” và “Công cụ cải tiến Lean Six Sigma”.

Tham dự lớp tập huấn có 174 lượt người là đại diện lãnh đạo, cán bộ quản lý, trưởng, phó các bộ phận và cán bộ đến từ 32 lượt doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Tại lớp tập huấn, các giảng viên đã cung cấp đến học viên các kiến thức cơ bản và chuyên sâu về:

- Thuật ngữ Kaizen, các bước triển khai; đối tượng của hoạt động Kaizen; bản chất của 5S, quản lý chương trình thực hiện 5S, những điểm cần lưu ý trong hoạt động duy trì 5S, xây dựng tiêu chí hướng dẫn thực hành và đánh giá 5S.

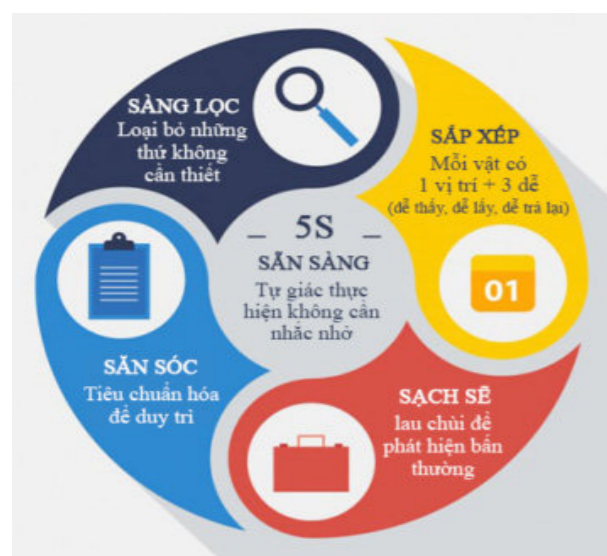
- Khái niệm và lợi ích của làm việc theo nhóm, lý do làm việc nhóm không hiệu quả; phân tích

các giai đoạn phát triển của nhóm; các nguyên tắc, kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả.

- Các khái niệm và nguyên tắc cơ bản của Lean, xác định các hoạt động tạo ra giá trị gia tăng, các hoạt động lãng phí; các khái niệm cốt lõi và bản chất của Six Sigma, nguyên tắc của phương pháp Six Sigma; cách tiếp cận giải quyết vấn đề năng suất, chất lượng theo mô hình kết hợp Lean Six Sigma; quản lý dự án cải tiến theo Lean Six Sigma - các yếu tố thành công.

Các học viên đã được nghe thuyết giảng, thực hiện diễn vai, thảo luận nhóm, tham gia trò chơi, nghiên cứu tình huống để hiểu về nội dung bài học.

Đây là các lớp tập huấn nằm trong khuôn khổ Dự án nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của các doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2012-2020. Sau lớp tập huấn, các học viên có thể tự áp dụng các công cụ, phương pháp cải tiến 5S, Lean Six Sigma, kỹ năng làm việc nhóm vào công việc, từ đó, nâng cao hiệu quả công việc, giảm sai lỗi, lãng phí và mang lại nhiều giá trị gia tăng cho bản thân, doanh nghiệp và khách hàng. ■



CÔNG TÁC KIỂM DỊCH THỰC VẬT NHẬP VÀ XUẤT KHẨU TẠI LÂM ĐỒNG 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

LÊ THỊ THANH NGÀ

Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ Thực vật tỉnh Lâm Đồng

Theo số liệu của Trạm Kiểm dịch thực vật - Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng II, tổng sản lượng xuất khẩu thực hiện kiểm dịch thực vật 9 tháng đầu năm 2017 là 7.963,2 tấn rau, củ, quả tươi, đông lạnh, sấy khô; 247.998.505 cành, ngọn giống hoa các loại; 1.469,7 tấn cà phê, chè và 1.398.447 cành, ngọn cây khác. Thị trường xuất khẩu chính là các nước Nhật Bản, Đài Loan, Australia, Hồng Kông, Campuchia, Malaysia, Hàn Quốc, Indonesia, Đan Mạch, Thái Lan và Trung Quốc. Các sản phẩm xuất khẩu chủ yếu là khoai lang, bí đỏ, bó xôi cấp đông, hành lá, ớt các loại, cải bắp, cải thảo, wasabi, hoa cắt cành các loại (cúc, hồng, cẩm chướng, cát tường). Các doanh nghiệp xuất khẩu gồm Công ty TNHH: Thụy Hồng Quốc tế, Rau nhà xanh, Agrivina, Đà Lạt - Nhật Bản, Đà Lạt - Tự nhiên, Đà Lạt Xanh, Đông Hoàng, Nông sản sạch, Thực phẩm chế biến hàng ngày.

Đối với công tác kiểm dịch thực vật nhập khẩu, trên địa bàn tỉnh có khoảng 30-40 công ty nhập khẩu giống về gieo trồng tại địa phương. Trong 9 tháng đầu năm 2017, toàn tỉnh có 28 công ty nhập khẩu 485 lô giống với 24.458.620 củ, cây, ngọn, cành hoa; 4.181.500 hạt rau, hoa

và 484.195,62 kg rau, hoa các loại từ các nước về gieo trồng trên 3.657,1 ha tại địa phương.

Giống cây trồng nhập khẩu chủ yếu là các giống rau, hoa, ngô, khoai tây, chanh dây... từ Hà Lan, Mỹ, Pháp, Chi Lê, Australia, Italia, Thái Lan, Đài Loan, Trung Quốc, Argentina, Nhật Bản, Đan Mạch, Mexico, Tanzania, New Zealand, Mỹ, Bỉ, Philippines, Hồng Kông, India...

Nhìn chung, các doanh nghiệp đã cung cấp đầy đủ giấy tờ liên quan đến việc nhập khẩu giống, chấp hành tốt quy định khi đưa giống cây trồng về sử dụng tại địa phương, thường xuyên theo dõi dịch hại, kết hợp với cơ quan chuyên môn quản lý tốt dịch hại không để lây lan ra diện rộng ảnh hưởng đến sản xuất. Các giống cây trồng nhập nội đều thích nghi với điều kiện sản xuất của địa phương, sinh trưởng và phát triển tốt, chống chịu được với dịch hại. Nhiều giống mới cho năng suất cao, chất lượng tốt đáp ứng được nhu cầu của người tiêu dùng trong và ngoài nước.

Các tổ chức, cá nhân tại Lâm Đồng có nhu cầu kiểm dịch thực vật, liên hệ Trạm Kiểm dịch thực vật - Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng II; Địa chỉ Lô 90, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng; Điện thoại: 0263.3707606. ■

LẤP ĐẦY 100% KHU CÔNG NGHIỆP VÀO NĂM 2020

Theo Kế hoạch số 6913/KH-UBND của UBND tỉnh Lâm Đồng ngày 16/10/2017 cơ cấu lại ngành công nghiệp tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2017-2020, đến năm 2020, Lâm Đồng phấn đấu đạt mục tiêu lấp đầy 100% khu công nghiệp và 60% cụm công nghiệp trên địa bàn. Qua đó, tăng trưởng bình quân giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh giai đoạn là 10,2%/năm. Định hướng cơ cấu kinh tế đến năm 2020, GDP lĩnh vực công nghiệp là 19,5-20% trong cơ cấu GDP toàn tỉnh.

Để đạt được các chỉ tiêu trên, Lâm Đồng tập trung vào các giải pháp như: đổi mới cơ chế, chính sách, cải cách thủ tục hành chính; nâng

cao chất lượng lập quy hoạch, kế hoạch, giám sát, quản lý; phát triển, hoàn thiện kết cấu hạ tầng; phát triển nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất công nghiệp; phát triển khoa học công nghệ; phát triển nguồn nhân lực; tăng cường bảo vệ môi trường và đẩy mạnh công tác hỗ trợ doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, Lâm Đồng ưu tiên phát triển 6 nhóm ngành công nghiệp gồm: cơ khí; dệt may; công nghiệp vật liệu xây dựng; công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản; hóa chất - cao su - nhựa - dược phẩm; công nghiệp sản xuất điện (thủy điện, điện gió, điện mặt trời...). ■

TIN CẢNH BÁO TỪ CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN

UGANDA

Sản phẩm điều chỉnh: Nước uống đóng chai.

Thông báo số: G/TBT/N/UGA/690, ngày 16 tháng 6 năm 2017.

Mô tả nội dung: dự thảo tiêu chuẩn này nêu rõ các yêu cầu chất lượng, phương pháp lấy mẫu và kiểm tra nước uống đóng chai sử dụng trực tiếp cho con người. Tiêu chuẩn này áp dụng đối với các loại nước uống đóng chai, nước uống có gas và nước uống có tính kiềm.

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng: ngăn chặn hành vi lừa đảo, bảo vệ người tiêu dùng; bảo vệ sức khỏe và an toàn của con người; đưa ra các yêu cầu chất lượng; đảm bảo tính hài hòa; giảm các rào cản và tạo thuận lợi cho thương mại.

Thời gian góp ý: 60 ngày kể từ ngày thông báo.

Thời hạn dự kiến có hiệu lực: sau khi được Bộ trưởng Bộ Thương mại, Công nghiệp và Hợp tác xã yêu cầu.

Cơ quan chịu trách nhiệm: Văn phòng Tiêu chuẩn Quốc gia Uganda

Địa chỉ: Lô 2-12, Đường tránh, Công viên Công nghiệp & Thương mại, Kyaliwajala Rd, Kampala, Uganda

Điện thoại: +256 41 450 59 95

Fax: +256 41 428 61 23

Email: info@unbs.go.ug

UGANDA

Sản phẩm điều chỉnh: Nước uống tinh khiết.

Thông báo số: G/TBT/N/UGA/689, ngày 16 tháng 6 năm 2017.

Mô tả nội dung: dự thảo tiêu chuẩn nêu rõ các yêu cầu về chất lượng và phương pháp thử nước khoáng cung cấp cho người tiêu dùng. Tiêu chuẩn này áp dụng cho nước khoáng, nước khoáng thiên nhiên, nước suối, nước suối tự nhiên và nước khoáng có gas.

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng: ngăn chặn hành vi lừa đảo, bảo vệ người tiêu dùng; bảo vệ sức khỏe và an toàn của con người; đưa ra các yêu cầu chất lượng; đảm bảo tính hài hòa; giảm các rào cản thương mại và tạo thuận lợi cho thương mại.

Thời gian góp ý: 60 ngày kể từ ngày thông báo.

Thời hạn dự kiến có hiệu lực: sau khi được Bộ trưởng Bộ Thương mại, Công nghiệp và Hợp tác xã yêu cầu.

Cơ quan chịu trách nhiệm: Văn phòng Tiêu chuẩn Quốc gia Uganda

Địa chỉ: Lô 2-12, Đường tránh, Công viên Công nghiệp & Thương mại, Kyaliwajala Rd, Kampala, Uganda

Điện thoại: +256 41 450 59 95

Fax: +256 41 428 61 23

Email: info@unbs.go.ug

RWANDA

Sản phẩm điều chỉnh: Nước ép trái cây các loại.

Thông báo số: G/TBT/N/RWA/76, ngày 6 tháng 9 năm 2017.

Mô tả nội dung: dự thảo tiêu chuẩn này nêu rõ các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm các loại nước trái cây nghiền thích hợp cho người tiêu dùng.

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng: bảo vệ sức khỏe và an toàn của con người; đảm bảo yêu cầu về chất lượng.

Thời hạn góp ý: 60 ngày kể từ ngày thông báo.

Cơ quan chịu trách nhiệm: Hội đồng Tiêu chuẩn Rwanda

Địa chỉ: KK 15 Rd, 49, P.O.BOX 7099, Kigali, Rwanda

Điện thoại: +250 252 586 103/582945

Email: info@rsb.gov.rw

Website: www.rsb.gov.rw

CÁC QUỐC GIA VÙNG VỊNH Ả RẬP

Sản phẩm điều chỉnh: Các loại nước trái cây và rượu quý.

Thông báo số: G/TBT/N/ARE/364, G/TBT/N/BHR/478, G/TBT/N/KWT/360, G/TBT/N/OMN/304, G/TBT/N/QAT/476, G/TBT/N/SAU/985, G/TBT/N/YEM/80, ngày 02 tháng 6 năm 2017.

Mô tả nội dung: dự thảo quy chuẩn kỹ thuật này yêu cầu áp dụng tiêu chuẩn chung cho các loại nước trái cây và rượu quý thích hợp cho người tiêu dùng.

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng: an toàn thực phẩm.

Thời hạn góp ý: 60 ngày kể từ ngày thông báo.

Thời hạn dự kiến thông qua và có hiệu lực: 180 ngày kể từ ngày công bố phiên bản được chấp thuận.

Cơ quan chịu trách nhiệm: Tổ chức Tiêu chuẩn, Đo lường và Chất lượng Saudi.

Địa chỉ: PO. B 3437 Riyadh 11471 Vương quốc Ả Rập Saudi

Điện thoại: +966 11 2529999 - Ext: (9070-9061)

Fax: +966 11 4520193

Email: enquiry@point@saso.gov.sa

LITHUANIA

Sản phẩm điều chỉnh: Trái cây và các loại đồ uống từ trái cây.

Thông báo số: G/TBT/N/LTU/30, ngày 01 tháng 6 năm 2017.

Mô tả nội dung: Quy chuẩn kỹ thuật quy định về đặc tính, yêu cầu sản xuất và bán hàng đối với các loại trái cây, rượu vang trái cây và cocktail nhằm xác định lượng cồn, lượng đường và phân loại các loại trái cây, đồ uống có cồn, đồ uống có vị đắng khác nhau.

Quy chuẩn còn quy định các chỉ số quan trọng khác như yêu cầu về sử dụng nguyên liệu cho sản xuất, công nghệ sản xuất và dán nhãn.

Quy chuẩn đưa ra quy chế ràng buộc tất cả các tổ chức, cá nhân của nước Cộng hòa Lithuania tham gia sản xuất và mua bán các loại trái cây, rượu vang trái cây và cocktail.

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng: để cập nhật các yêu cầu về sản xuất trái cây và rượu trái cây thích nghi với tiến bộ kỹ thuật nhằm đáp ứng nhu cầu của nhà sản xuất và phù hợp với các quy định khác nhau của châu Âu.

Thời gian góp ý: 60 ngày kể từ ngày công bố dự thảo văn kiện.

Thời hạn dự kiến có hiệu lực: 01/11/2017.

Cơ quan chịu trách nhiệm: Bộ Nông nghiệp nước Cộng hòa Lithuania

Địa chỉ: Gedimino av. 19, LT-01103 Vilnius, Lithuania

Điện thoại: +370 52391171

Fax: +370 5239 12 12

Email: Agne.Gudaityte@zum.lt

Web: http://www.zum.lt.

HỢP TÁC XÃ TỪ KHI CÓ LUẬT MỚI

VĂN VIỆT

Sau 4 năm Luật Hợp tác xã mới có hiệu lực, Lâm Đồng triển khai kịp thời chính sách ưu đãi, tạo điều kiện cho các đơn vị kinh tế hợp tác mở rộng liên kết chuỗi giá trị, từng bước nâng cao thu nhập, đời sống của hộ gia đình thành viên...

Luật mới, hỗ trợ mới

Báo cáo tại Hội nghị thi hành Luật Hợp tác xã (HTX) 2012 khu vực 13 tỉnh, thành Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng Phạm S cho biết: Đến nay, toàn tỉnh có 194 HTX, đã thành lập mới 71 HTX và giải thể 26 HTX so với trước ngày Luật HTX 2012 có hiệu lực và gần 190 tổ hợp tác (THT) đang hoạt động theo Luật HTX mới với hơn 3.600 hội viên. Lợi nhuận bình quân mỗi HTX đạt 108 triệu đồng/năm, tạo việc làm thường xuyên cho khoảng 10.000 lao động.

Thực hiện các chính sách khuyến khích phát triển HTX theo Luật HTX mới, 4 năm qua, Lâm Đồng đã giải ngân hơn 440 triệu đồng hỗ trợ 44 HTX thành lập mới; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý cho gần 2.000 cán bộ HTX, THT với tổng chi phí hơn 1,7 tỷ đồng; tổ chức 4 lớp tập huấn cho 500 học viên là lãnh đạo các HTX, THT về bảo hộ sáng chế, đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp; gần 50 lượt HTX tham gia hội chợ trưng bày, giới thiệu sản phẩm trong nước với tổng kinh phí gần 1 tỷ đồng; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng gần 2 ha đất cho 3 HTX; giao và cho thuê hơn 2 ha đất cho 2 HTX.

Đặc biệt, kể từ khi Luật HTX mới chính thức áp dụng đến nay, Lâm Đồng có 15 HTX được tiếp cận gần 230 tỷ đồng nguồn vốn vay tín dụng ưu đãi; 7 HTX vay 1,4 tỷ đồng nguồn vốn Quỹ Quốc gia giải quyết việc làm do Liên minh HTX Việt Nam phân bổ; 30 HTX vay vốn xoay vòng gần 12 tỷ đồng từ Quỹ hỗ trợ phát triển HTX cấp tỉnh; hơn 5 tỷ đồng hỗ trợ 83 HTX chuyển giao khoa học kỹ thuật, ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp.

Cuối năm 2016, Lâm Đồng được Ngân hàng Thế giới và Chính phủ Canada hỗ trợ nguồn vốn phát triển 1 mô hình HTX chăn nuôi bò sữa ở huyện Đơn Dương và 1 mô hình HTX sản xuất, kinh doanh cà phê ở huyện Di Linh.

"Công tác quản lý nhà nước đối với kinh tế hợp tác của tỉnh Lâm Đồng được tăng cường. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối phối hợp với các sở, ngành liên quan triển khai nhiều hoạt động thiết thực; tích cực tham mưu Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh chỉ đạo xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế hợp tác trên địa bàn...", Phó Chủ tịch UBND tỉnh Phạm S nhấn mạnh.

Những chuỗi liên kết mới

Triển khai kịp thời những chính sách hỗ trợ đã tác động tích cực đến việc hình thành, phát triển và nâng cao giá trị các chuỗi liên kết ở Lâm Đồng. Tiêu biểu là mô hình liên kết giữa Công ty TNHH Hoa Mặt Trời với 5 THT sản xuất hoa lan Hồ điệp và lan Vũ nữ ở huyện Đức Trọng, hiện đã ổn định sản phẩm xuất khẩu sang các nước Nhật, Úc, Singapore, Nga,... và cung cấp cho nhiều tỉnh, thành trong cả nước như Hà Nội, Đà Nẵng, Tp. Hồ Chí Minh.

Giám đốc Công ty TNHH Hoa Mặt Trời, Huỳnh Tấn Sơn chia sẻ: "Sau khi trồng thử nghiệm thành công, từ năm 2011 đến nay, công ty chúng tôi liên kết với 5 THT gồm 52 hộ nông dân tại các khu vực nông nghiệp huyện Đức Trọng đầu tư 254 tỷ đồng sản xuất 30 ha lan Vũ nữ và 2,5 ha lan Hồ điệp công nghệ cao. Toàn bộ quy trình kỹ thuật từ sản xuất đến đóng gói, bảo quản sau thu hoạch đều được Công ty mời các chuyên gia đến từ Bỉ, Nhật Bản, Đài Loan,... trực tiếp hướng dẫn và chuyển giao cho nông dân. Doanh thu sau khi trừ các khoản chi phí được chia theo sản lượng của từng hộ nông dân THT, Công ty cũng là một thành viên của THT...".

Tiêu biểu còn có mô hình liên kết sản xuất 270 ha rau VietGAP giữa HTX Dịch vụ Nông nghiệp tổng hợp Anh Đào, Đà Lạt với 90 hộ nông dân liên kết. Năm 2016, doanh thu của HTX đạt 210 tỷ đồng, trong đó, 160 tỷ đồng (tương đương 33.600 tấn rau) tiêu thụ trong nước, còn lại 50 tỷ đồng (tương đương 8.400 tấn rau) xuất khẩu sang Hàn Quốc, Singapore, Malaysia,... Giám đốc HTX Dịch vụ Nông nghiệp tổng hợp Anh Đào, Nguyễn Công Thừa đúc kết kinh nghiệm: "HTX bao tiêu toàn bộ sản phẩm của hộ nông dân liên kết, mức giá có thể thỏa thuận khi ký hợp đồng hoặc cao hơn 10% so với giá thị trường vào thời điểm thu hoạch sản phẩm...".

Trong thời gian tới, những mô hình liên kết, liên doanh như Công ty TNHH Hoa Mặt Trời, HTX Dịch vụ Nông nghiệp tổng hợp Anh Đào cần tiếp tục được áp dụng và nhân rộng trên địa bàn tỉnh. Đây là một trong những nhiệm vụ, giải pháp tập trung chuyển đổi và phát triển kinh tế hợp tác theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực, liên kết gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ giữa doanh nghiệp với HTX, THT. ■

ĐA CANH RAU VIETGAP Ở TÂY HỒ

VŨ VĂN

Chung tay làm ăn theo mô hình tổ hợp tác, 7 hộ nông dân sản xuất giỏi ở khu vực Tây Hồ, phường 11, thành phố Đà Lạt đã thường xuyên trao đổi kinh nghiệm, chuyển giao khoa học kỹ thuật, nâng cao giá trị sản phẩm rau VietGAP trên thị trường.

Rau VietGAP ngắn và dài ngày

Trên 0,2 ha nhà kính trồng đa canh các loại rau ở khu vực Tây Hồ, phường 11, thành phố Đà Lạt, hộ gia đình ông Nguyễn Đức Tin luân phiên thu hoạch mỗi tuần. Ông Tin chia sẻ: "Đà Lạt tháng 6 thường mưa vào buổi chiều, năng suất rau ngoài trời giảm thấp, rau nhà kính cũng chịu tác động do nhiệt độ xuống thấp, hộ gia đình chúng tôi chọn hình thức sản xuất cuốn chiếu cây rau ngắn và dài ngày, nhờ vậy mùa nào cũng có rau thu hoạch".

Vừa trò chuyện, ông Tin bước đến bàn cân giữa vườn, đặt một túi rau thơm cao cấp, hiển thị trọng lượng 10 kg. Ông Tin cho biết, đây là sản phẩm rau ngò tây, một loại rau mùi cung cấp cho các nhà hàng hạng sao dành cho khách doanh nhân nước ngoài ở Tp. Hồ Chí Minh với giá bán trung bình 15.000 đồng/kg, đặc biệt có những ngày cao điểm, mùa mưa khan hiếm (từ tháng 6 đến tháng 11), giá tăng đến 50.000 đồng/kg.

Trên 0,2 ha rau đa canh gần 10 loại, mỗi tháng ông Tin thu góp vòng khoảng 5 loại rau mùi ngắn ngày, sản lượng từ 60-100 kg/loại, riêng xà lách thu hoạch từ 200-250 kg. Với rau dài ngày như cà chua beef, ông Tin trồng 300 cây trên một phần diện tích nhà kính, mỗi vụ khoảng 100 ngày, đạt sản lượng 4-5 kg/cây.

"Trồng từng loại rau dựa theo kế hoạch đã bàn bạc, thống nhất về kỹ thuật và đầu mối tiêu thụ chung trong Tổ hợp tác nên 7 tổ viên yên tâm đầu tư quanh năm. Đặc biệt, với biện pháp đa canh trong nhà kính theo tiêu chuẩn VietGAP, tạo ra sinh thái đối kháng, hạn chế đáng kể sâu, bệnh gây hại. Kết quả mấy năm gần đây, hộ gia đình chúng tôi thu lãi từ 700-800 triệu đồng/ha/năm", ông Tin chia sẻ kinh nghiệm.

Nâng cấp lên hợp tác xã VietGAP

Theo Phòng Kinh tế thành phố Đà Lạt, hộ gia đình ông Nguyễn Đức Tin đa canh các loại rau theo tiêu chuẩn VietGAP trên diện tích 0,2 ha với tổng sản lượng 24 tấn/năm và là 1 trong 7 hộ gia đình thành viên Tổ hợp tác Trần Dờ ở khu vực Tây Hồ, phường 11, thành phố Đà Lạt được cấp chứng nhận sử dụng nhãn hiệu "Rau Đà Lạt" trên tổng diện tích 4,7 ha; sản phẩm gồm 7 loại rau bắp cải, xà lách, súp lơ xanh, cà chua, cần tây, ớt ngọt và rau mùi, tổng sản lượng đạt 611 tấn/năm. Trong đó, 2 hộ gia đình có diện tích sản xuất nhà kính nhiều nhất là hộ



100% hộ thành viên Tổ hợp tác Trần Dờ sản xuất các loại rau đạt chuẩn VietGAP

ông Nguyễn Việt Anh Toàn (2 ha) và hộ ông Nguyễn Đức Tuấn (1,5 ha); 5 hộ gia đình còn lại diện tích từ 0,2-0,4 ha/hộ.

Ông Trần Dờ, tổ trưởng Tổ hợp tác cho biết: "Liên tục nhiều năm liền, 7 hộ gia đình thành viên Tổ hợp tác đều đạt danh hiệu sản xuất giỏi cấp thành phố".

Để có phương thức sản xuất khả quan, ổn định như hiện nay, Tổ hợp tác Trần Dờ đã có một quá trình chuyển đổi tích cực. Cách đây 10 năm, từng hộ gia đình tham gia chuyển từ sản xuất phân tán, nhỏ lẻ sang quy mô tập trung, quản lý dịch hại tổng hợp, tạo ra sản phẩm rau an toàn, không còn sử dụng phân bón xác mấm khiến chất đất chai cứng, ảnh hưởng đến môi trường. Đến khâu thu hoạch và tiêu thụ, từng hộ thành viên giới thiệu các đầu mối thương lái uy tín để cả Tổ cùng phân tích, chọn lựa.

Bên cạnh đó, những năm gần đây, ngành nông nghiệp địa phương triển khai các chương trình hỗ trợ vốn vay, tổ chức nhiều lớp tập huấn chuyên đề về sản xuất rau VietGAP,... đã tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ gia đình thành viên đầu tư xây dựng nhà kính, thành lập mới Tổ hợp tác Trần Dờ với những kết quả khả quan nêu trên.

Ông Hoàng Bá Bình, Chủ tịch Hội Nông dân phường 11, thành phố Đà Lạt đánh giá Tổ hợp tác Trần Dờ là một điển hình ở địa phương về sản xuất rau VietGAP tập trung gắn với thị trường tiêu thụ. Nếu tiếp tục được hỗ trợ về nguồn vốn, công nghệ mới, xúc tiến thương mại,... Tổ hợp tác hoàn toàn vững tin để nâng cấp quy mô hoạt động thành Hợp tác xã với nhiều triển vọng. ■

LIÊN KẾT SẢN XUẤT CHÈ CHẤT LƯỢNG CAO

TRẦN PHƯƠNG UYÊN
 Công ty Cổ phần Long Đình

Công ty Cổ phần Long Đình (Công ty Long Đình) được thành lập năm 2009 tại thôn Phúc Tân, xã Phúc Thọ, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Từ năm 2004, Công ty Long Đình là một nông trường nhỏ với hơn 4 ha trồng chè Oolong. Nhận thấy các giống chè cành Đài Loan phát triển tốt, ngày càng được thuần chủng phù hợp với điều kiện tự nhiên, thổ nhưỡng, chất lượng chè búp tươi thu hái đạt yêu cầu, không thua kém so với chè trồng tại Đài Loan và có thể canh tác bền vững tại các vùng đất sản xuất của huyện Lâm Hà, thực tế đó đã mở ra những tiềm năng mới cho sự hình thành, phát triển của Công ty Long Đình và các hộ sản xuất trên địa bàn huyện. Trên cơ sở đó, Công ty Long Đình đã vận động, hợp tác, đầu tư và chuyển giao quy trình canh tác các giống chè chất lượng cao tại địa phương. Đến nay, khoảng 80% sản lượng tiêu thụ của doanh nghiệp được xuất khẩu sang thị trường Đài Loan dưới hình thức chè lên men một phần với doanh thu bình quân đạt 22 tỷ đồng, tương đương 80 tấn thành phẩm/năm.

Qua quá trình hợp tác, đa số các hộ dân đã thấy được lợi ích từ trồng chè Oolong so với các loại cây công nghiệp khác và hiệu quả của việc áp dụng các phương pháp sản xuất hiện đại, công nghệ tiên tiến như sử dụng hệ thống tưới, giám sát tự động trên vườn chè; ứng dụng công nghệ vi sinh để tạo ra sản phẩm tốt nhất, mang lại hiệu quả kinh tế cao. Năm 2016, Công ty Long Đình vinh dự là doanh nghiệp chè đầu tiên được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp chứng nhận "Doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao".

Liên kết sản xuất chè chất lượng cao

Từ năm 2010, Công ty Long Đình đã liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm với 50 hộ, trên diện tích 55 ha đối với 02 chủng loại chè chất lượng cao giống Kim Tuyên và Oolong... thông qua việc phối hợp 4 nhà "nhà nước, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp và nhà nông" để chuyển giao giống, kỹ thuật canh tác theo hướng ứng dụng công nghệ cao, sau đó thu mua lại nguyên liệu để chế biến.

Công ty Long Đình có đội ngũ kỹ sư chuyên ngành nông nghiệp thường xuyên theo dõi,



hướng dẫn các hộ sản xuất từ khâu trồng, chăm sóc và thu hái nên sản lượng, chất lượng chè búp tươi đạt yêu cầu chế biến để xuất khẩu. Ngoài ra, Công ty Long Đình còn tạo điều kiện cho các hộ sản xuất ứng trước phân bón và thuốc bảo vệ thực vật; sắp xếp nhân công thu hái và tổ chức vận chuyển sản phẩm từ vườn của nông hộ về nhà máy của Công ty nhằm đảm bảo chất lượng nguyên liệu thu hái cao nhất.

Bên cạnh đó, Công ty Long Đình thường xuyên phối hợp với Phòng Nông nghiệp huyện Lâm Hà và Hội Nông dân xã Phúc Thọ tổ chức gặp gỡ, trao đổi, giải đáp những vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng với các hộ sản xuất.

Hiện nay, Công ty Long Đình đã xây dựng và đưa vào hoạt động nhà máy chế biến chè chất lượng cao trên địa bàn xã Phúc Thọ, đầu tư máy móc thiết bị tiên tiến, hiện đại với tổng giá trị gần 8 tỷ đồng với công suất 4 tấn chè búp tươi/ngày, giải quyết việc làm cho hàng trăm lao động tại địa phương.

Nhằm khích lệ và ghi nhận thành quả của các hộ sản xuất, hàng năm, Công ty Long Đình còn tổ chức khen thưởng các hộ sản xuất giỏi, chăm sóc đạt tiêu chuẩn và đặc biệt tâm huyết với cây chè.

Mở rộng vùng nguyên liệu và thị trường tiêu thụ

Trong thời gian tới, Công ty Long Đình tiếp tục đầu tư áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào



sản xuất, tăng cường phối hợp với địa phương và các hộ dân mở rộng vùng nguyên liệu, phấn đấu đến năm 2020 đạt trên 100 ha sản xuất ổn định.

Bên cạnh đó, Công ty Long Đình đang triển khai thực hiện mô hình "Du lịch canh nông" kết hợp với sản xuất chè, tour du lịch trải nghiệm vườn chè (tham quan, khám phá và trải nghiệm quy trình trồng, thu hoạch và chế biến chè Oolong công nghệ cao). Đồng thời, thực hiện kế hoạch sản xuất chè Oolong theo tiêu chuẩn hữu cơ để mở rộng thị trường tiêu thụ sang các nước Mỹ, Nhật, châu Âu...

Một số khó khăn

- Công ty Long Đình là doanh nghiệp tạo ra sản phẩm cuối cùng chứ không chỉ kinh doanh thương mại hoặc sản xuất sản phẩm thô nên phải đầu tư xây dựng nhà máy, cơ sở vật chất, hạ tầng lớn; thời gian đầu tư, thu hồi vốn lâu; lợi nhuận thấp. Nguồn vốn đầu tư mở rộng sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng, điện, đường giao thông, máy móc, trang thiết bị chế biến theo công nghệ mới của Công ty Long Đình còn hạn chế. Ngoài ra, Công ty Long Đình phải tự vay vốn để đầu tư cho người nông dân trồng chè, hỗ trợ kỹ thuật, bao tiêu sản phẩm.

- Hiện nay, đường giao thông khó khăn, xuống cấp ảnh hưởng đến việc vận chuyển hàng hóa, và tổ chức các tour du lịch cho du khách.

- Một số xã chưa thật sự tâm huyết, gắn bó với cây chè; việc phối hợp giữa nông dân và bộ phận kỹ thuật của Công ty Long Đình còn nhiều



bất cập dẫn đến thiệt hại từ khâu chăm sóc, thu hái, chất lượng, thu nhập của các hộ trồng chè đến việc sản xuất, chế biến.

Đề xuất, kiến nghị

Các chính sách hỗ trợ vay vốn, đầu tư cơ sở hạ tầng, điện, nước; chính sách miễn, giảm, giãn thuế... chưa đến được với các doanh nghiệp nhỏ và vừa; đặc biệt là các chương trình hỗ trợ lãi suất vay đối với doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Để góp phần thúc đẩy và khuyến khích doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh mở rộng kinh doanh, nâng cao hiệu quả hoạt động, cơ quan quản lý nhà nước cần có những chính sách hỗ trợ cụ thể như:

- Tạo điều kiện thuận lợi để tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả mối liên kết "4 nhà" trong sản xuất;

- Có cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp vay vốn thông thoáng, thuận lợi;

- Hỗ trợ một phần kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, đường giao thông, điện, nước...;

- Có cơ chế bảo hiểm hoặc bảo trợ giá đối với một số ngành hàng, sản phẩm nông nghiệp đặc thù;

- Tăng cường tổ chức các khóa hướng dẫn kỹ thuật, tập huấn kiến thức về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao cho nông dân và doanh nghiệp;

- Thực hiện tốt các chính sách miễn, giảm, giãn thuế để thu hút nhiều doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. ■



CÔNG TY CỔ PHẦN LONG ĐÌNH

Địa chỉ: thôn Phúc Tân, xã Phúc Thọ, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng
 Điện thoại: 0263 3755335 - Fax: 0263 3643666
 Website: <http://longdinhtea.com>

Mắc ca

Nữ hoàng của các loại hạt khô

BÙI QUỐC HOÀN
 Công ty Cổ phần TBK Greenfood

Mắc ca, loại cây có xuất xứ từ các vùng rừng rậm cận nhiệt đới tại châu Úc, có giá trị kinh tế cao, chu kỳ kinh doanh khoảng 50-60 năm. Cây có yêu cầu đặc thù về thổ nhưỡng và khí hậu nên chỉ phù hợp với một số vùng trên thế giới. Với điều kiện tự nhiên của Việt Nam, cây mắc ca thích hợp trồng tại khu vực Tây Nguyên và một số vùng rừng núi phía Bắc.

Lợi ích từ hạt mắc ca

Cây mắc ca cho thu hoạch sau 3-4 năm trồng. Hạt mắc ca được tạo ra với hàm lượng dinh dưỡng cao sau 7 tháng tích lũy chất trên cây. Mắc ca được mệnh danh là “Nữ hoàng của các loại hạt khô”, với hàm lượng cao các chất dinh dưỡng như: Omega 3, Omega 6, Omega 9, chất xơ, canxi,... có tác dụng tốt cho tim mạch, trí não, trẻ em đang trong giai đoạn phát triển, người bị yếu sinh lý và đặc biệt là phụ nữ mang thai.

Với giá trị dinh dưỡng cao, từ lâu, hạt mắc ca đã được sử dụng như một loại hạt ăn vặt cao cấp hoặc dùng kết hợp với các loại thực phẩm khác và làm nguyên liệu chế biến mỹ phẩm.

Nhân hạt mắc ca có vị ngọt, bùi, có thể kết hợp cùng các nguyên liệu khác để chế biến thành những món ăn hấp dẫn như sữa từ hạt mắc ca có vị bùi, béo, phù hợp khẩu vị trẻ em; kết hợp



Hạt và trái mắc ca

với kem làm giảm vị ngọt gắt, các loại bánh ngọt dùng làm món ăn nhẹ với hương vị đặc trưng.

Nhân hạt mắc ca còn được đánh giá là nguyên liệu cao cấp đối với ngành mỹ phẩm như dầu chiết xuất từ hạt mắc ca chứa khoảng 22% các axit omega-7 palmitoleic, là giải pháp thay thế dầu chồn – một trong những “thần dược” cho tóc, da, giúp ngăn ngừa và làm chậm quá trình lão hóa.

Ngoài giá trị về ẩm thực và công dụng làm đẹp, phần vỏ cứng bên ngoài hạt mắc ca khi xay nhỏ kết hợp với các chất hữu cơ tạo thành hỗn hợp phân bón cho cây trồng. Lớp vỏ cứng có thể duy trì nhiệt độ cao khi đốt và được sử dụng làm nhiên liệu đốt lò trong các ngành công nghiệp ở Úc và Nam Phi.

Đa dạng sản phẩm từ mắc ca

Hiện nay, sản phẩm mắc ca trên thị trường xuất hiện với 2 dạng: còn nguyên vỏ hay nhân đã tách vỏ và có tẩm gia vị. Theo đó, người tiêu dùng tại châu Á thường ưa chuộng loại hạt đã rang còn nguyên vỏ do nhân bên trong vẫn giữ hương vị tự nhiên đặc trưng; còn tại các nước châu Âu, các loại hạt đã tách vỏ và tẩm các loại gia vị như mật ong, muối, hương thảo, wasabi, bào ngư,... được quan tâm hơn.

Để đáp ứng nhu cầu sử dụng đa dạng của khách hàng, trên thị trường Việt Nam hiện có cả 2 dạng sản phẩm mắc ca là hạt đã rang còn nguyên vỏ và hạt nhân tách vỏ. Các sản phẩm



Sản xuất bánh trung thu nhân hạt mắc ca

hạt còn nguyên vỏ được chia thành loại có thể tách vỏ bằng tay và loại dùng dụng cụ để tách vỏ.

Phát triển các dòng sản phẩm đa dạng từ hạt mắc ca

Công ty Cổ phần TBK Greenfood được thành lập tháng 5/2016 trên nền tảng 3 năm nghiên cứu về sản phẩm mắc ca; là doanh nghiệp tiên phong tại Việt Nam về chế biến sản phẩm này với nhà máy chế biến theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 22000:2005, công suất 300-500 tấn/năm. Với sứ mệnh tạo ra những sản phẩm nông nghiệp mới cho Việt Nam, góp phần giải quyết việc làm cho gần 100 lao động địa phương, mang lại những sản phẩm tốt cho sức khỏe đến với người tiêu dùng, Công ty đã hoạch định tầm nhìn chiến lược trở thành Công ty cung cấp hạt Mắc ca tầm cỡ quốc tế; phát triển các dòng sản phẩm đa dạng từ hạt; xuất khẩu ra ít nhất 10 thị trường quốc tế trong thời gian tới.

Sản phẩm của Công ty hiện đang cung cấp nội địa và xuất khẩu sang thị trường các nước Hàn Quốc, Úc, Nhật Bản.

Ngay từ khi mới thành lập, Công ty đã hợp tác và được đối tác Úc đầu tư cơ sở hạ tầng, công nghệ nhằm xây dựng hình ảnh doanh nghiệp Việt hội nhập với sự phát triển của quốc tế, tạo uy tín thương hiệu Việt Nam với người tiêu dùng trên toàn thế giới.

Để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng trong và ngoài nước, Công ty Cổ phần



TBK Greenfood đã nghiên cứu và cung cấp ra thị trường nhiều sản phẩm từ hạt mắc ca như nhân thô, sữa, bánh quy, bánh cupcake, bánh trung thu, socola từ hạt mắc ca,...

Hiện nay, Công ty đang tiếp tục nghiên cứu phát triển sản phẩm, hoàn thiện quy trình sản xuất, đầu tư máy móc thiết bị hiện đại nhằm tăng năng suất, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm chi phí, hướng tới thị trường xuất khẩu ổn định trong giai đoạn tới.

Tuy nhiên, sản phẩm mắc ca mang tính thời vụ (từ tháng 6-10 hàng năm), để đáp ứng nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất và nhu cầu thị trường, đòi hỏi Công ty phải đầu tư vốn để dự trữ nguyên liệu quanh năm. Đồng thời, Công ty rất cần những chính sách hỗ trợ của nhà nước để ngày càng phát triển. ■



CÔNG TY CỔ PHẦN TBK GREENFOOD

Địa chỉ: 81 Tân Trung, xã Tân Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Email: info@tbkgreenfood.vn. Điện thoại: (+84) 2633 854 066. Website: tbkgreenfood.vn.



MÔ HÌNH NUÔI TRỒNG TẢO XOẮN KẾT HỢP VỚI DU LỊCH LÀNG NGHỀ

NGUYỄN THỊ BÍCH TRÂM

Cơ sở sản xuất tảo xoắn nguyên chất Làng Spin Tảo K'Nai

Du lịch nông nghiệp là loại hình không còn mới mẻ đối với du khách. Tuy nhiên, du lịch nông nghiệp liên quan tới tảo xoắn chỉ mới xuất hiện ở một số quốc gia trên thế giới trong những năm gần đây. Thuật ngữ *Tourisme Bleu-vert* hay *Blue green tourism* là loại hình du lịch mới nhất hiện nay trên thế giới. Đây là loại hình du lịch kết hợp giữa việc tham quan các trang trại nuôi trồng tảo xoắn và tận hưởng những dịch vụ kèm theo từ sản phẩm tảo.

Một số quốc gia đang khai thác và áp dụng thành công loại hình này như Pháp, Thái Lan..., điển hình như Khu du lịch tảo xoắn của Công ty Du lịch Boonsom (Thái Lan). Tại Việt Nam, một số công ty, cơ sở đã triển khai nuôi trồng tảo xoắn như Vĩnh Hảo (Bình Thuận), Thanh Mai (Nghệ An), Cái Mơn (Bến Tre), khu vực Mêkong..., tuy nhiên, chưa phát triển thành làng nghề phục vụ du lịch.

Làng K'Nai - Phú Hội - Đức Trọng với địa thế chủ yếu là đồi núi, diện tích rừng chiếm đa số, môi trường trong lành phù hợp cho sự phát triển của tảo xoắn. Theo khảo sát thực địa cho thấy, ngôi làng này khá hoang sơ, các hộ dân sinh sống chủ yếu là nghề nông với cây trồng chính là cây họ đậu, cà phê và có nhiều tiềm năng phát triển thành làng nghề nuôi trồng tảo xoắn phục vụ mục đích du lịch. Làng K'Nai cách Tp. Đà Lạt 40 km và cách trung tâm thương mại huyện Đức Trọng 8 km. Hiện nay, làng K'Nai nằm trong dự án phát triển du lịch nông nghiệp do các cơ sở trồng rau sạch tại địa phương phối hợp với các công ty nước ngoài thực hiện. Trong tương lai, làng K'Nai được quy hoạch thành đô thị, thuận lợi cho việc xây dựng khu du lịch.

Với những điều kiện tự nhiên thuận lợi và các định hướng phát triển trong tương lai, năm 2015, tảo xoắn được nuôi trồng thử nghiệm tại Cơ sở sản xuất tảo xoắn nguyên chất Làng Spin Tảo K'Nai.

Sau 2 năm nuôi trồng thử nghiệm, kết quả thu được rất khả quan. Mô hình nuôi trồng tảo xoắn

Theo Tổ chức Y tế thế giới (WHO), tảo xoắn (*Spirulina*) là nguồn thực phẩm tốt cho sức khỏe.

Tảo chứa 55-70% hàm lượng protein cùng các loại axit amin, vitamin và các khoáng chất cần thiết. SpinTảo InnoAliment được nhập giống và nuôi trồng theo công nghệ Pháp, đảm bảo đem đến sản phẩm nguyên chất 100% cho người tiêu dùng.

- Tảo xoắn giúp tăng cường hệ thống miễn dịch, tăng sức đề kháng và hỗ trợ cho các tế bào trong cơ thể hoạt động, nhất là đối với trẻ em, người lớn tuổi, người mới ốm dậy và sau phẫu thuật...

- Giúp ngăn ngừa và hạn chế sự phát triển các tế bào ung thư và AIDS.

- Ngăn ngừa, làm giảm tiến trình lão hóa, trẻ hóa làn da, chống mệt mỏi.

- Là chất giải độc; hỗ trợ điều trị táo bón cho cơ thể.

- Chống suy dinh dưỡng ở trẻ em và người lớn; ngăn ngừa chứng thiếu máu, tiểu đường, giảm hàm lượng cholesterol trong máu.

- Hỗ trợ cho người thường xuyên vận động, luyện tập thể thao, làm tăng cơ bắp, sức bền, dẻo dai.

- Dùng tảo ở dạng thuốc đắp chữa vết bỏng, vết thương ngoài da, làm liền sẹo, trị mụn trứng cá, nhiễm trùng da, bệnh quai bị và các loại bệnh ngoài da khác như vẩy nến, mụn rộp...

- Tảo xoắn còn là sản phẩm làm đẹp dành cho phụ nữ như mặt nạ dưỡng da, ủ tóc...

hoàn chỉnh và bài bản hơn đã được xây dựng, làm cơ sở nền tảng để phát triển làng nghề nuôi trồng tảo xoắn tại làng K'Nai.

Dự án "Xây dựng mô hình nuôi trồng tảo xoắn kết hợp với du lịch làng nghề" sẽ mang lại một luồng gió mới, món ăn tinh thần mới cho du khách, góp phần giải quyết việc làm cho người lao động và cải thiện nền kinh tế địa phương. Dự án thành công cũng sẽ góp phần thay đổi cơ cấu kinh tế của vùng, đồng thời cải thiện cơ



sở hạ tầng và nâng cao dân trí cho cộng đồng địa phương.

Dự án được chia thành 3 giai đoạn chính:

- Xây dựng mô hình nuôi trồng tảo xoắn mẫu đạt tiêu chuẩn. Trong giai đoạn này, tập trung xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị công nghệ phục vụ sản xuất; đẩy mạnh quảng bá thương hiệu sản phẩm SpinTảo InnoAliment và định vị thương hiệu trên thị trường.

- Sau khi đã ổn định đầu ra cho sản phẩm, cơ sở mở rộng mô hình và chuyển giao một phần công nghệ nuôi trồng tảo cho bà con nông dân.

- Hình thành làng nghề nuôi trồng tảo xoắn tại làng K'Nai.

Qua triển khai giai đoạn đầu của dự án cho thấy, nguồn lực tài chính, năng lực quản lý, tầm nhìn của nhà quản trị, chất lượng sản phẩm và nhu cầu của người tiêu dùng là các yếu tố để tạo

nên thành công của dự án. Ngoài ra, còn cần sự hợp tác của người dân địa phương và chính quyền các cấp.

Ngay khi dự án khởi động đã nhận được nhiều sự ủng hộ của người dân địa phương, sẵn sàng chuyển đổi ngành nghề sang mô hình nuôi trồng tảo xoắn để cải thiện kinh tế. Bên cạnh đó, dự án còn thu hút sự quan tâm của các cơ quan truyền thông trong nước và quốc tế như báo Khuyến nông, báo Lâm Đồng, báo Pháp le courier du Việt Nam... Năm 2017, dự án vinh dự đạt giải nhất cuộc thi "Khởi nghiệp kinh doanh" do Tổ chức Pernord Ricard và L'Appel tài trợ.

Dự án xây dựng mô hình nuôi trồng tảo xoắn kết hợp với làng nghề du lịch rất hữu ích cho cộng đồng và môi trường. Dự án thành công sẽ giúp Lâm Đồng có thêm một mô hình du lịch mới, góp phần thu hút ngày càng nhiều du khách đến với địa phương. ■

HỘ THƯ CỘNG TÁC VIÊN

Nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin khoa học công nghệ phục vụ doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, Sở Khoa học và Công nghệ xuất bản định kỳ **Bản tin Khoa học Công nghệ & Doanh nghiệp Lâm Đồng** (4 số/năm, 32 trang).

Rất mong nhận được sự cộng tác nhiệt tình của các tác giả, sự quan tâm của các đơn vị, doanh nghiệp và bạn đọc.

Địa chỉ liên hệ: Bản tin Khoa học Công nghệ & Doanh nghiệp Lâm Đồng

Trung tâm Thông tin và Thống kê Khoa học Công nghệ

Số 35 Trần Hưng Đạo, Đà Lạt. Điện thoại: 0263 3545479 - 0263 3833163.

Email: trungtamthongtin@lamdongdost.gov.vn

TIÊU CHUẨN QUY TRÌNH GIÁM SÁT NGUỒN GỐC - BỘ NGUYÊN TẮC UTZ

Trung tâm Thông tin và Thống kê khoa học và công nghệ

Yêu cầu quy trình giám sát nguồn gốc

Yêu cầu của quy trình giám sát nguồn gốc được liệt kê dưới dạng “Điểm kiểm soát - Control Point - CP”. Thành viên chuỗi cung ứng (Supply Chain Actor - SCA) phải tuân thủ tất cả các điểm kiểm soát áp dụng cho hoạt động và sản phẩm của họ để được chứng nhận. Các yêu cầu này được nhóm thành 4 chương: quản lý; cấp truy nguyên; tách biệt và nhận dạng sản phẩm; công bố sản phẩm.

Cột cấp truy nguyên cho biết điểm kiểm soát áp dụng cho cấp truy nguyên nào. Ví dụ, nếu cấp truy nguyên cân bằng khối lượng (MB) được chỉ định, điểm kiểm soát chỉ áp dụng cho sản phẩm MB. SCA không hoạt động ở cấp truy nguyên MB không áp dụng được.

Nếu không chỉ định cấp truy nguyên nào, điểm kiểm soát áp dụng cho các sản phẩm ở mọi cấp truy nguyên.

STT	Điểm kiểm soát	Cấp truy nguyên
1. Quản lý		
1.1 Hệ thống kiểm soát tài liệu chung		
1	SCA có một hệ thống quản lý được ghi chép tài liệu rõ ràng. Hệ thống này đề cập từng yêu cầu theo quy trình giám sát nguồn gốc của UTZ Certified. Hệ thống kiểm soát nêu rõ: a) Người chịu trách nhiệm cho các yêu cầu khác nhau của tiêu chuẩn quy trình giám sát nguồn gốc. b) Thủ tục cần có để thực hiện tiêu chuẩn gồm: xem xét cấp truy nguyên và cách lưu trữ hồ sơ. c) Cung cấp biểu mẫu, đơn, hồ sơ và tài liệu cần để tuân thủ tiêu chuẩn.	
2	Nếu SCA có hệ thống theo dõi và truy nguyên bằng máy tính như hệ thống hoạch định nguồn lực (Enterprise Resource Planning = ERP), phải bao hàm tất cả các thành phần truy nguyên của tiêu chuẩn. Tài liệu phải rõ ràng, ghi ngày, tháng và được cập nhật đầy đủ.	
1.2 Tự đánh giá		
3	SCA hoàn tất việc tự đánh giá sự tuân thủ các điểm kiểm soát áp dụng tại các địa điểm đã nêu trong giấy chứng nhận SCA. Việc tự đánh giá được thực hiện hàng năm bằng cách sử dụng danh mục đánh giá quy trình giám sát nguồn gốc của UTZ Certified.	
1.3 Nhà thầu phụ		
4	SCA chịu trách nhiệm và đảm bảo sự tuân thủ của nhà thầu phụ đối với các điểm kiểm soát áp dụng của tiêu chuẩn. SCA phải: a) Yêu cầu hoặc thay mặt nhà thầu phụ hoàn tất bản tự đánh giá (ít nhất 1 lần/năm) theo tiêu chuẩn; b) Hoặc xác minh nhà thầu phụ có giấy chứng nhận quy trình giám sát nguồn gốc UTZ Certified cho các quá trình thực hiện tại thời điểm nhà thầu phụ cung cấp dịch vụ cho SCA.	
2. Truy nguyên nguồn gốc		
2.1 Lưu giữ hồ sơ		
5	Hồ sơ theo yêu cầu tiêu chuẩn được lưu giữ ít nhất 2 năm. SCA lưu giữ hồ sơ và hóa đơn bán hàng của tất cả các đợt mua sản phẩm có và không có chứng nhận UTZ. Hồ sơ có thể bao gồm tài liệu văn bản, các quy trình hoặc hệ thống tự động. Hồ sơ của tất cả các giao dịch trên cổng thông tin thành viên (Good Inside Portal – GIP) đều có sẵn (bao gồm tài liệu lập ra khi một giao dịch được đăng ký hoặc bản tổng hợp về tất cả các giao dịch đăng ký trong GIP).	
6	Cập nhật và lưu giữ các tài liệu tính toán tỷ lệ chuyển đổi sử dụng trong mỗi cơ sở chế biến liên quan đến việc chuyển đổi sản phẩm.	

STT	Điểm kiểm soát	Cấp truy nguyên
2.2 Nhận dạng đầu vào và đầu ra được chứng nhận		
7	SCA hoạt động trong hệ thống để đảm bảo, xác minh và giám sát sản phẩm có chứng nhận UTZ. Hệ thống gồm các bằng chứng xác minh được: a) Hiệu lực giấy phép UTZ Certified của nhà cung cấp tại thời điểm sản phẩm được công bố. b) Hóa đơn và tài liệu từ nhà cung cấp. Tài liệu phải bao gồm tham chiếu đến "UTZ" và đến cấp truy nguyên tương ứng để nhận dạng sản phẩm nào được giao dịch với danh nghĩa sản phẩm "UTZ". c) Đầu vào nhận được ở cấp truy nguyên bằng hoặc cao hơn cấp mà SCA được chứng nhận. d) Đảm bảo có sẵn một ID giao dịch cho tất cả các đợt mua sản phẩm có chứng nhận UTZ được giao dịch trong GIP.	
8	Tài liệu liên quan đến việc bán sản phẩm có chứng nhận UTZ bao gồm tham chiếu tới "UTZ" và cấp truy nguyên tương ứng. Đối với sản phẩm mua bán trong GIP, hóa đơn bán hàng cấp cho sản phẩm có chứng nhận UTZ có một ID giao dịch GIP tương ứng.	
9	SCA mua bán sản phẩm đa chứng nhận có sẵn mọi tài liệu mua bán sản phẩm được giao dịch theo các chương trình chứng nhận khác nhau. Khi một sản phẩm đa chứng nhận được bán theo một chương trình chứng nhận không phải UTZ, sản phẩm đó được loại bỏ khỏi hàng hóa trong GIP của SCA đó và không được bán 2 lần.	
2.3 GIP (10-15 chưa áp dụng được cho SCA chưa có giấy phép vì giao dịch và hoạt động kho hàng chỉ có thể thực hiện sau khi giấy phép được cấp. Các điểm kiểm soát CP này cũng chỉ áp dụng cho sản phẩm nguyên chất vì sản phẩm không nguyên chất của bán thành phẩm không được đăng ký trong GIP).		
10	SCA quản lý tài khoản thương mại, dịch vụ trong GIP đối với tất cả các sản phẩm có chứng nhận UTZ và cấp truy nguyên cần để được giao dịch trong GIP. SCA phải thực hiện tất cả các giao dịch và hoạt động kho hàng áp dụng cho sản phẩm và hoạt động của mình. Các giao dịch và hoạt động kho hàng bao gồm: thông báo mua, bán hàng; xác nhận của người mua; truy xuất; loại bỏ; chuyển đổi; trộn lẫn; hạ cấp truy nguyên. Công bố về thời điểm trước cũng được đăng ký trong GIP.	
11	Người mua đầu tiên có quyền thay mặt người dùng đối với tài khoản GIP của một nhà sản xuất/nhóm nhà sản xuất cho nhà cung cấp của mình biết tất cả các thông báo mua hàng (bao gồm khối lượng) đã thực hiện và cung cấp cho họ xác nhận về giao dịch thực hiện trong GIP trong vòng 2 tuần sau khi xác minh giao dịch.	
12	SCA cung cấp dịch vụ kho hàng cho nhà sản xuất/nhóm nhà sản xuất quản lý một tài khoản kho hàng trong GIP. Tài khoản kho hàng được cập nhật ít nhất 3 tháng/lần. SCA cung cấp dịch vụ kho hàng cho các SCA khác phải ghi lại rõ ràng khối lượng lưu trữ cho SCA đó vào tài liệu ngoài GIP. Kho hàng thực tế lưu trữ bởi SCA phải khớp với tài khoản kho hàng trong GIP.	IP SG
13	Tài khoản thương mại của SCA được cập nhật ít nhất 3 tháng/lần nhằm đảm bảo khối lượng có trong tài khoản thương mại của SCA trong GIP khớp với lượng hàng thực tế của sản phẩm có chứng nhận UTZ tại cơ sở của họ.	IP SG
14	Tài khoản thương mại của SCA được cập nhật ít nhất 3 tháng/lần.	MB
15	Tất cả các thông báo mua hoặc bán hàng và xác nhận của người mua trong GIP phải thể hiện bởi các đợt giao hàng thực tế. Thông tin đăng ký trong giao dịch GIP tương ứng với sản phẩm (khối lượng, chất lượng,...) giống với thông tin phản ánh trong tài liệu đi kèm đợt giao hàng thực tế đó.	
2.4 Giá thường UTZ (16 và 17 chỉ áp dụng cho người mua đầu tiên)		
16	Nhà sản xuất/nhóm nhà sản xuất và người mua đầu tiên đồng ý về quy trình thanh toán (các khoản chi phí và thời gian) của giá thường UTZ đối với mọi sản phẩm được công bố (hoặc công bố về thời điểm trước) là có chứng nhận UTZ. Giá thường UTZ là giá trị của tất cả các khoản khấu trừ để hoàn trả cho hàng hóa hoặc dịch vụ được ứng trước. Có bằng chứng thanh toán và xác nhận từ nhà sản xuất/nhóm nhà sản xuất về việc nhận giá thường UTZ.	
17	Giá thường UTZ được chỉ rõ tại thông báo mua, bán trong GIP.	

STT	Điểm kiểm soát	Cấp truy nguyên
2.5 Bảng tổng hợp hàng năm về khối lượng và tài khoản tín dụng		
18	SCA lập bản tổng hợp về khối lượng sản phẩm có chứng nhận UTZ hàng năm được mua bán, bao gồm: - Hàng hóa còn lại từ năm trước; - Đầu vào đã nhận và còn trong kho; - Đầu ra còn trong kho và đã bán. Nếu tất cả các sản phẩm mà SCA giao dịch được mua bán trong GIP (SCA chỉ giao dịch sản phẩm nguyên chất) thì bản tổng hợp được cung cấp từ GIP. Khối lượng bán ra không được vượt quá khối lượng mua vào.	IP SG
19	Nếu SCA mua bán sản phẩm có chứng nhận UTZ không nguyên chất, bản tổng hợp hàng năm được phản ánh trong tài khoản tín dụng. Tài khoản tín dụng phải cung cấp đầy đủ thông tin để tính toán và xác minh số dư tín dụng UTZ (sản phẩm UTZ mua vào trừ đi sản phẩm UTZ bán ra) của sản phẩm UTZ đã sử dụng cho chế biến, có xem xét quy tắc về trao đổi tín dụng MB. SCA có hệ thống vận hành để giám sát và cập nhật số dư tín dụng. Tài khoản tín dụng phải bao gồm: - Số dư còn lại từ năm trước; - Khối lượng sản phẩm UTZ đã mua vào và bán ra; - Hàm lượng sản phẩm nguyên chất (tính theo %/kg/tấn) trong sản phẩm UTZ mua vào và bán ra; - Khối lượng sản phẩm UTZ sử dụng trên mỗi đơn vị sản phẩm UTZ bán ra. Để hỗ trợ việc xác minh, tài khoản tín dụng còn bao gồm: - Ngày mua, ngày bán; - Tham chiếu vận chuyển (số đơn hàng, số hóa đơn,...); - ID giao dịch GIP tương ứng với từng đợt mua sản phẩm nguyên chất được chứng nhận UTZ; - Số truy nguyên duy nhất trong GIP tương ứng với sản phẩm được truy nguyên; - Tỷ lệ chuyển đổi. SCA không cần duy trì tài khoản tín dụng nếu họ chỉ mua sản phẩm có chứng nhận UTZ cho toàn bộ hoạt động sản xuất của mình và có thể cung cấp bằng chứng cho việc này.	MB
20	Nếu khối lượng sản phẩm UTZ mà SCA đã bán ra nhiều hơn sản phẩm UTZ mua vào thì phải có bằng chứng về đợt giao hàng dự kiến và trong vòng 2 tháng phải được bù đủ vào số dư tín dụng âm đó.	MB
3. Tách biệt và nhận dạng sản phẩm		
21	SCA vận hành hệ thống để đảm bảo sản phẩm được chứng nhận UTZ không bị nhầm lẫn với sản phẩm không được chứng nhận UTZ (cả trong quá trình vận chuyển và lưu kho).	IP SG
22	SCA cho phép nhận dạng trực quan sản phẩm có chứng nhận UTZ. Việc này có thể được thực hiện (có hoặc không có logo được chứng nhận bởi UTZ) bằng cách tạo tham chiếu về dấu hiệu, thẻ kho và nhãn trên bao bì hoặc tấm nâng hàng (pallet).	IP SG
4. Công bố Sản phẩm - Công bố có chứng nhận UTZ (23-25 chỉ áp dụng cho nhà sản xuất sản phẩm tiêu dùng)		
23	SCA duy trì danh sách cập nhật tất cả các sản phẩm tiêu dùng được bán với logo chứng nhận UTZ, có thể chỉ rõ bằng tên, đơn vị lưu giữ hàng hóa (Stock Keeping Unit – SKU) hoặc nhóm sản phẩm.	
24	SCA vận hành hệ thống đảm bảo rằng mỗi lô sản phẩm tiêu dùng bán ra được chứng nhận UTZ với phiên bản mới nhất theo Chính sách ghi nhãn và nhãn hiệu thương mại UTZ Certified.	
25	Trước khi in, SCA phải ban hành quyết định phê duyệt ghi nhãn có hiệu lực cho tất cả các sản phẩm tiêu dùng bán ra với logo UTZ Certified.	

Quy trình giám sát nguồn gốc chè

Quy trình giám sát nguồn gốc chè được sử dụng cùng với Tiêu chuẩn quy trình giám sát nguồn gốc, áp dụng cho tất cả các SCA chè, những người mua bán, chế biến chè được chứng nhận UTZ. Quy trình này không bao gồm các yêu cầu ở dạng điểm kiểm soát mà quy định các quy tắc và hạn chế phải được tôn trọng để mua bán, chế biến chè được chứng nhận UTZ.

Các khái niệm

- Chè khô: sản phẩm thu được từ chế biến lá chè tươi. Chè khô trong GIP gồm: chè xanh, chè đen CTC, Chè đen Orthodox, Chè đen STP (LTP), chè vàng, chè trắng, chè Oolong, chè pu'er raw và chè pu'er ripe.

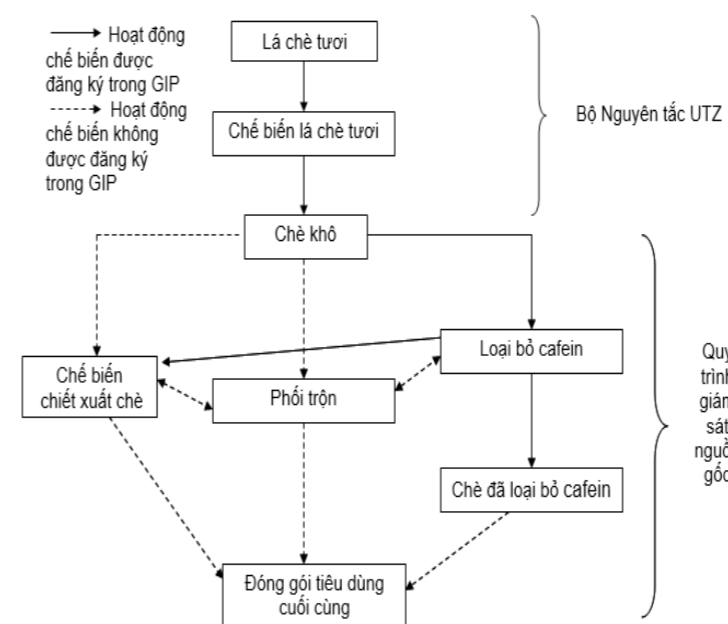
- Chè chiết xuất: các dạng chiết xuất của chè ở dạng bột, nước cốt, đông lạnh hoặc cô đặc.

Các hoạt động xử lý thực tế đối với chè

- + Đóng gói/đóng bao/đóng gói lại;
- + Đầu trộn;
- + Loại bỏ cafein;
- + Chế biến các sản phẩm từ chè (ví dụ chiết xuất chè);
- + Chế biến các sản phẩm tiêu dùng cuối cùng (ví dụ: đồ uống sẵn từ chè).

- Hoạt động xử lý thực tế: những hoạt động thực hiện từ các sản phẩm được chứng nhận UTZ chưa đóng gói, chưa đóng bao, chưa khâu kín.

Sơ đồ dưới đây thể hiện quá trình sản xuất trong chuỗi cung ứng chè UTZ, bao gồm các sản phẩm chính và các hoạt động chế biến được ghi lại trong và ngoài GIP.



Tỷ lệ chuyển đổi

Tỷ lệ chuyển đổi dựa trên các tiêu chuẩn công nghiệp bình quân được chấp nhận.

Bảng dưới đây tổng hợp các tỷ lệ chuyển đổi đối với hoạt động chế biến chính trong chuỗi cung ứng Chè UTZ:

Quá trình	Cấp truy nguyên	Sản phẩm đầu vào	Sản phẩm đầu ra	Tỷ lệ	Phạm vi áp dụng
Loại bỏ cafein	IP, SG	Chè, chè đen, chè xanh	Chè đen đã loại bỏ cafein	0,9	Tất cả các quốc gia

Yêu cầu tỷ lệ % tối thiểu

SCA phải đảm bảo rằng chè được chứng nhận UTZ không bị nhầm lẫn với chè không được chứng nhận UTZ, kể cả trong quá trình vận chuyển và lưu kho. Trong phối trộn, chè được chứng nhận UTZ có thể bị trộn lẫn với chè không chứng nhận UTZ nhưng phải công bố cụ thể tỷ lệ % được chứng nhận UTZ chứa trong sản phẩm và ghi nhãn đáp ứng các yêu cầu đặt ra trong chính sách ghi nhãn và nhãn hiệu thương mại của UTZ. ■



QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ KINH DOANH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

TRẦN CÔNG ĐĂNG
Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng

Kinh doanh thương mại điện tử hay kinh doanh qua mạng là hoạt động mua, bán, quảng cáo hàng hóa, dịch vụ thông qua các website, mạng xã hội như Facebook, Zalo, Instagram...

Để triển khai quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, Tổng cục Thuế đã ban hành công văn số 2623/TCT-CS ngày 16/6/2017 về tăng cường quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh thương mại điện tử.

Các quy định về thương mại điện tử

- Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về thương mại điện tử (TMĐT), Thông tư số 47/2014/TT-BTC ngày 05/12/2014 của Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện Nghị định số 52/2013/NĐ-CP.

- Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; Thông tư số 38/2016/TT-BTTTT ngày 26/12/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về việc cung cấp thông tin công cộng qua biên giới.

- Điều 50 Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI quy định:

+ Người có hành vi vi phạm pháp luật về giao dịch điện tử thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

+ Cơ quan, tổ chức có hành vi vi phạm pháp luật trong giao dịch điện tử thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính, đình chỉ hoạt động, nếu gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Tăng cường quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh TMĐT

- Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh TMĐT tại Việt Nam là đối tượng phải thực hiện đăng ký thuế theo quy định tại Điều 21, Luật Quản lý thuế và hướng dẫn tại Điều 2, Thông tư 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính về đăng ký thuế.

- Hộ, cá nhân kinh doanh có địa điểm cố định (cửa hàng), có địa chỉ cụ thể để giao dịch với khách hàng, đã đăng ký thuế, chỉ sử dụng mạng xã hội để quảng cáo thì sử dụng mã số thuế đã được cấp để kê khai, nộp thuế mà không phải thực hiện đăng ký thuế kinh doanh qua mạng.

- Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam có hoạt động kinh doanh TMĐT tại Việt Nam phải kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và quản lý thuế.

- Đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động kinh doanh TMĐT tại Việt Nam hoặc có thu nhập từ kinh doanh TMĐT tại Việt Nam thì: tổ chức, cá nhân phải nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp; thuế thu nhập cá nhân theo hướng dẫn tại Nghị định số 209/2013/NĐ-CP, 218/2013/NĐ-CP và Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/8/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam.

- Đối với cá nhân cư trú tại Việt Nam có hoạt động kinh doanh TMĐT có tổng doanh thu từ tất cả các loại hình kinh doanh trong năm (kể cả các loại hình kinh doanh khác ngoài kinh doanh TMĐT qua mạng) trên 100 triệu đồng/năm phải kê khai nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân, lệ phí môn bài đối với cá nhân kinh doanh quy định tại Nghị định số 65/2013/NĐ-CP, Điều 2, 3, 6 và 7 Thông tư số 92/2015/TT-BTC, Nghị định số 139/2016/NĐ-CP ngày 04/10/2016 của Chính phủ và Thông tư số 302/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí môn bài.

- Tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh TMĐT nhưng không chấp hành việc đăng ký, kê khai thuế sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế và các văn bản pháp luật có liên quan.

Để biết thêm thông tin về hướng dẫn đăng ký, kê khai thuế đối với cá nhân hoạt động kinh doanh TMĐT và biểu mẫu kê khai, vui lòng truy cập Trang thông tin điện tử Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng: <http://lamdong.gdt.gov.vn>.

THÔNG TIN CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO ĐƯỢC BỘ NÔNG NGHIỆP & PTNT CÔNG NHẬN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG



Lĩnh vực hoạt động

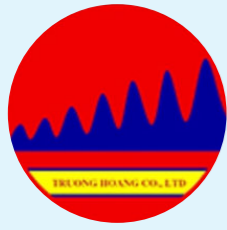
- Đầu tư sản xuất nông nghiệp công nghệ cao.
- Sản xuất, tiêu thụ, xuất nhập khẩu hoa, nông sản, cây ăn quả.
- Chế biến và bảo quản rau, quả.
- Sản xuất, chế biến rượu.
- Kinh doanh giống cây trồng, hoa, cây ăn quả, cây công nghiệp.
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu phân bón, vật tư nông nghiệp.
- Được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp công nghệ cao số 2016.004 ngày 10/5/2016. Thời hạn chứng nhận đến 10/5/2021.



Quy mô sản xuất

- Tổng số nhân viên: 80 người.
- Diện tích sản xuất: 32 ha, trong đó diện tích liên kết với các hộ dân 22 ha.
- Nhập khẩu giống lan Hồ điệp, Vũ nữ, nho; chọn tạo hơn 10 giống lan Hồ điệp, 4 giống lan Vũ nữ phù hợp, để phục vụ sản xuất và cung cấp cho người trồng hoa thương phẩm tại thành phố Đà Lạt, các vùng phụ cận với công suất trên 0,8 triệu cây giống/năm.
- Hiện nay, Công ty liên kết với hơn 40 hộ dân tại huyện Đức Trọng, Di Linh trồng hoa lan Vũ nữ cắt cành, hoa chậu tiêu thụ ổn định tại thị trường trong nước (20%) và xuất khẩu sang các nước như Nhật Bản, Australia,... (80%). Các hộ nông dân liên kết được Công ty cung ứng giống, hỗ trợ kỹ thuật và bao tiêu sản phẩm với sản lượng thu hoạch năm 2016: 2.000.000 cành lan Vũ nữ; 200.000 chậu lan Hồ điệp.
- Nhập khẩu nhà màng điều khiển tự động 50.000 m².





CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI-DỊCH VỤ TRƯỜNG HOÀNG

Địa chỉ: 43/10 Lê Văn Tám, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng
 Điện thoại: 0263 3843 209, 0263 3844 209 - Fax: 0263 3843 209
 Email: passionfruit@truonghoang.com.vn, flowers@truonghoang.com.vn
 Website: http://truonghoang.com.vn

Lĩnh vực hoạt động

- Sản xuất, kinh doanh rau, quả tươi. Sản xuất, ươm trồng, kinh doanh các loại cây, hạt giống.
- Sản xuất rau theo tiêu chuẩn GlobalGAP (từ năm 2008).
- Được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp công nghệ cao số 2013.001 ngày 24/9/2013. Thời hạn chứng nhận đến ngày 24/9/2018.

Quy mô sản xuất

- Tổng số nhân viên: 200 người.
- Quy mô sản xuất: 89 ha, trong đó diện tích liên kết với các hộ dân là 80 ha.
- Các mặt hàng sản xuất - kinh doanh chính:
 - + Chanh dây: thu mua và hút dịch quả chanh dây (khoảng 25.000-30.000 tấn/năm, trong đó xuất khẩu từ 17.000-20.000 tấn/năm).
 - + Củ lys: nhập khẩu và cung cấp khoảng 2,5-3 triệu củ/năm phục vụ sản xuất.
 - + Lan Hồ điệp: nhập khẩu và sản xuất 600-700 ngàn cây/năm trên diện tích trồng khoảng 3 ha phục vụ thị trường tiêu thụ nội địa là chủ yếu.



CÔNG TY TNHH TRANG TRẠI LANGBIANG

Địa chỉ: 42 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.7, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
 Điện thoại: 0263 3821234 - Fax: 0263 3570555
 Email: info@langbiangfarm.com.vn; langbiangfarm@yahoo.com.vn
 Website: http://langbiangfarm.com.vn

Lĩnh vực hoạt động

- Trồng dâu tây sạch, rau sạch các loại, hoa và cây cảnh.
- Sản xuất phân bón (giá thể), cây giống.
- Kinh doanh rau, hoa, phân bón, vật tư thiết bị sản xuất nông nghiệp, du lịch sinh thái.
- Hướng dẫn, tư vấn kỹ thuật nông nghiệp.
- Được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp công nghệ cao số 2016.002 ngày 03/02/2016. Thời hạn chứng nhận đến ngày 03/02/2021.

Quy mô sản xuất

- Tổng số nhân viên: 100 người.
- Tổng diện tích trang trại: trên 30 ha, tại thôn Măng Line và xã Đa Sar, huyện Lạc Dương.
- Các chứng nhận áp dụng hệ thống quản lý trong sản xuất:
 - + Chứng nhận GlobalGAP số 4056186069511 do Bureau Veritas Certification cấp ngày 25/8/2016 trên sản phẩm dâu tây. Thời hạn chứng nhận 02 năm, quy mô sản xuất 1 ha.
 - + Chứng nhận VietGAP số VietGAP-TT-14-04-68-0072 trên sản phẩm rau xà lách và bó xôi thủy canh do Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt cấp ngày 15/02/2017. Thời hạn chứng nhận 02 năm, quy mô sản xuất 1.000 m².
 - + Chứng nhận ISO 9001:2008 cho quy trình sản xuất giá thể.
 - + Chứng nhận OHSAS 18001:2007.
 - + Chứng nhận cơ sở sản xuất đủ điều kiện an toàn thực phẩm.
- Sản xuất trung bình hàng năm hơn 6 triệu cành hoa các loại; 20 tấn dâu tây; 5,5 triệu cây giống và 700 tấn giá thể.
- Công ty đang tiếp tục mở rộng sản xuất rau sạch thủy canh với diện tích 2.000 m², sản lượng dự kiến 50 tấn/năm.
- Thị trường xuất khẩu: Nhật Bản, Hà Lan.



NGÀY TIÊU CHUẨN THẾ GIỚI 14.10.2017

Tiêu chuẩn giúp thành phố thông minh hơn

14.10

Có đủ nước ngọt để sử dụng; có năng lượng sạch; có thể di chuyển một cách hiệu quả từ nơi này đến nơi khác; có cảm giác an toàn và an ninh là những hứa hẹn mà một thành phố hiện đại phải đáp ứng nếu muốn chứng tỏ ưu thế và mang lại chất lượng cuộc sống tốt hơn cho công dân của mình.

Việc xây dựng một thành phố thông minh là vấn đề không đơn giản. Mỗi thành phố phải đối mặt với những thách thức riêng và đòi hỏi phải kết hợp nhiều giải pháp. Tuy nhiên, có một mẫu số chung giúp đơn giản hóa nhiệm vụ này. Các tiêu chuẩn quốc tế hỗ trợ việc phát triển các giải pháp chuyên môn và thực tiễn tốt nhất, là những yếu tố cần thiết để đảm bảo chất lượng và hiệu năng của sản phẩm và dịch vụ. Ngoài ra, tiêu chuẩn cũng tạo ra sự tương thích giữa các công nghệ, giúp người dùng so sánh và lựa chọn giải pháp có sẵn tốt nhất.

Tiêu chuẩn cũng mở ra cánh cửa rộng hơn cho việc lựa chọn các sản phẩm và dịch vụ. Chúng giúp tăng tính cạnh tranh và thúc đẩy sự đổi mới. Theo cách tiếp cận hệ thống, tiêu chuẩn cho phép tích hợp các cấu trúc hoặc giải pháp từ các nhà cung cấp khác nhau.

Các tiêu chuẩn quốc tế giúp mọi hoạt động an toàn và trơn tru ở mọi cấp độ của thành phố. Tiêu chuẩn cung cấp nền tảng cho việc tiếp cận nguồn điện cũng như tất cả các thiết bị, hệ thống điện, điện tử. Tiêu chuẩn hỗ trợ công nghệ thông tin và truyền thông, từ đó cho phép thu thập, trao đổi, phân tích dữ liệu và bảo mật thông tin.

Đồng thời, tiêu chuẩn còn cung cấp các hướng dẫn quan trọng cho tất cả các khía cạnh của cuộc sống đô thị, bao gồm các tòa nhà tiết kiệm năng lượng, giao thông thông minh, quản lý chất thải được cải thiện, xây dựng cộng đồng bền vững và nhiều hơn thế nữa.

Với tiêu chuẩn, chúng ta có thể từng bước làm cho các thành phố thông minh hơn. Các hòn đảo thông minh riêng lẻ có thể cùng phát triển và kết nối với nhau.

Thật tuyệt vời khi biết rằng các tiêu chuẩn quốc tế sẽ hỗ trợ cho sự phát triển đô thị thông minh một cách hiệu quả và toàn diện.



TỔ CHỨC TIÊU CHUẨN HÓA QUỐC TẾ HÀNG ĐẦU



Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế

International Organization for Standardization – ISO

ISO là tổ chức quốc tế độc lập, phi chính phủ, thành lập năm 1946, chính thức hoạt động ngày 23/02/1947 gồm 163 thành viên là các cơ quan tiêu chuẩn quốc gia. Thông qua các thành viên, ISO tập hợp các chuyên gia cùng chia sẻ kiến thức và xây dựng tiêu chuẩn quốc tế tự nguyện dựa trên sự đồng thuận, thích hợp với thị trường; hỗ trợ đổi mới và cung cấp giải pháp với thách thức toàn cầu.

Hiện nay, ISO đã công bố trên 21.478 tiêu chuẩn quốc tế và các tài liệu liên quan đối với tất cả các ngành công nghiệp, nông nghiệp và chăm sóc sức khỏe.

Việt Nam (đại diện là Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng) là thành viên ISO năm 1977 và tham gia Hội đồng ISO 3 nhiệm kỳ: 1997-1998, 2001-2002 và 2004-2005. Hiện nay, Việt Nam là thành viên P (thành viên chính thức) trong 17 Ban kỹ thuật, Tiểu ban Kỹ thuật của ISO và 2 Ban phát triển chính sách của ISO: DEVCO (Ban về những vấn đề của các nước đang phát triển), CASCO (Ban Tiêu chuẩn và đánh giá sự phù hợp) và thành viên O (Thành viên quan sát) trong 70 Ban kỹ thuật, Tiểu ban Kỹ thuật của ISO và Ban Chính sách người tiêu dùng COPOLCO và Ban Mẫu chuẩn (REMCO).

Địa chỉ website của ISO: www.iso.org



Ủy ban Kỹ thuật Điện Quốc tế

International Electrotechnical Commission – IEC *

Ủy ban Kỹ thuật Điện Quốc tế IEC thành lập năm 1906, là tổ chức hàng đầu thế giới chịu trách nhiệm xây dựng và công bố tiêu chuẩn quốc tế cho các ngành công nghệ điện, điện tử và các công nghệ liên quan, gọi chung là "kỹ thuật điện". IEC phục vụ thị trường và xã hội thế giới thông qua công tác tiêu chuẩn hóa, đánh giá sự phù hợp, cung cấp nền tảng cho các công ty, ngành công nghiệp và chính phủ để gặp gỡ, thảo luận và xây dựng các tiêu chuẩn quốc tế mà họ cần, thúc đẩy thương mại và tăng trưởng kinh tế thế giới, khuyến khích phát triển các sản phẩm, hệ thống, dịch vụ an toàn, hiệu quả và thân thiện với môi trường.

Tiêu chuẩn Quốc tế IEC dựa trên sự đồng thuận và đại diện cho nhu cầu của các bên liên quan. Mỗi quốc gia thành viên đều có một phiếu bầu và tiếng nói trong quá trình xây dựng Tiêu chuẩn Quốc tế IEC.

Thành viên của IEC đến từ khắp nơi trên thế giới. IEC hướng tới các nước công nghiệp hóa mới thông qua Chương trình Quốc gia Liên kết (có 87 quốc gia tham gia) và cùng với 83 quốc gia thành viên, lan tỏa phạm vi của tổ chức trên hơn 97% dân số thế giới.

Đến nay, IEC đã phát hành 6.327 tiêu chuẩn quốc tế, 288 quy định kỹ thuật, 481 báo cáo kỹ thuật và 42 IEC-PAS.

Việt Nam tham gia IEC với tư cách Thành viên liên kết vào tháng 4/2002 và là thành viên P (thành viên tham gia) của 3 Ban kỹ thuật IEC.

Địa chỉ website của IEC: www.iec.ch



Liên minh Viễn thông Quốc tế

International Telecommunication Union – ITU *

Liên minh Điện tin Quốc tế (International Telegraph Union – ITU) được thành lập ngày 17/5/1865 với mục tiêu nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc bổ sung, sửa đổi thường xuyên những điều khoản của Công ước và những hiệp định quốc tế được ký kết trong lĩnh vực điện tin. Đây là tổ chức tiền thân của Liên minh Viễn thông Quốc tế hiện nay. Hoạt động chính của ITU bao trùm tất cả các vấn đề thuộc lĩnh vực viễn thông.

ITU hiện có 193 quốc gia thành viên (Member States) với 545 thành viên lĩnh vực (Sector Members), 155 thành viên liên kết (Associates Members) và 145 học viện (Academia). Ngoài ra, ITU có 140 thành viên là tổ chức khu vực và quốc tế khác, hợp tác với 61 cơ quan, quỹ và chương trình của Liên hiệp quốc.

Việt Nam gia nhập ITU từ ngày 24/9/1951, đại diện là Bộ Thông tin và Truyền thông.

Địa chỉ website của ITU: www.itu.ch